

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp vật tư y tế tiêu hao theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp vật tư y tế tiêu hao năm 2025 (vật tư chuyên khoa Răng hàm mặt).

2. Phạm vi cung cấp: chi tiết theo phụ lục đính kèm.

3. Thời gian cung cấp hàng hóa, dịch vụ: 18 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 12 tháng.

7. Yêu cầu về giá chào: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu.

8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước 11 giờ 00 phút, ngày 09/9/2024.

9. Quy định về tiếp nhận hồ sơ chào giá:

- Gửi báo giá online qua website: <https://bvdaihoc.com.vn/Home/ViewList/31>;

- Gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Phòng Vật tư thiết bị (Tổ vật tư y tế tiêu hao), Tầng 4, Khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người liên hệ: Nguyễn Thị Kim Loan

Số điện thoại: 028.3952.5243

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

- + Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);
- + Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);
- + Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (nếu có).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, VTTB (J22-282-ttbttran) (02).

TUO. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG VẬT TƯ THIẾT BỊ



Nguyễn Hữu Thịnh



PHỤ LỤC. PHẠM VI CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT

(Đính kèm Công văn số 4124 /BVĐHYD-VTTB ngày 28 tháng 8 năm 2024)

STT	Tên vật tư	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng
1	Vít titan cho miếng và sân ổ mắt	Vít titan tự khoan, tự taro dùng cho miếng và sân ổ mắt: - Chất liệu: Titan - Kích cỡ có tối thiểu 1.5mm và 1.65mm - Tự khoan, tự tạo ren khi vặn vít - Mũi vít hình chữ X - Tương thích "Miếng và sân ổ mắt loại 3 cánh, 4 cánh" tại hồ sơ mời thầu - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	15
2	Miếng và sân ổ mắt loại 3 cánh	Miếng và sân ổ mắt loại 3 cánh - Chất liệu: Titan - Kích cỡ: dày 0.3 - 0.35mm (tối thiểu 2 cỡ) - Có 3 cánh nếp, mỗi cánh nếp có 4 lỗ - Tương thích "Vít titan cho miếng và sân ổ mắt" tại hồ sơ mời thầu - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	7
3	Miếng và sân ổ mắt loại 4 cánh	Miếng và sân ổ mắt loại 4 cánh - Chất liệu: Titan - Kích cỡ: dày 0.3 - 0.35mm (tối thiểu 2 cỡ) - Có 4 cánh nếp, mỗi cánh nếp có 4 lỗ - Tương thích "Vít titan cho miếng và sân ổ mắt" tại hồ sơ mời thầu - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	10
4	Mũi khoan vùng hàm mặt, loại dài	Mũi khoan dài phẫu thuật vùng hàm mặt dùng để khoan lỗ đặt vít trong cố định xương gãy vùng hàm mặt - Chất liệu: thép không gỉ - Kích thước: + Đường kính 1.6mm ± 0.01mm + Chiều dài mũi khoan: 70 - 75mm (tối thiểu phải có cỡ 72mm) + Chiều dài làm việc: 20 - 25mm (tối thiểu phải có cỡ 22mm) - Tương thích "Vít cố định xương vùng hàm mặt, đường kính 1.5 - 2.5mm" tại hồ sơ mời thầu - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	11
5	Mũi khoan vùng hàm mặt, loại ngắn	Mũi khoan ngắn phẫu thuật vùng hàm mặt dùng để khoan lỗ đặt vít trong cố định xương gãy vùng hàm mặt - Chất liệu: thép không gỉ - Kích thước: + Đường kính 1.6mm ± 0.01mm + Chiều dài mũi khoan: 50 - 55mm (tối thiểu phải có cỡ 52mm) + Chiều dài làm việc: 5 - 7mm (tối thiểu phải có cỡ 6mm) - Tương thích "Vít cố định xương vùng hàm mặt, đường kính khoảng 1.5 đến 2.5mm" tại hồ sơ mời thầu - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	5
6	Vít cố định xương vùng hàm mặt, đường kính khoảng 1.5 - 2.5mm	Vít loại nhỏ cố định xương vùng hàm mặt - Chất liệu: titanium - Đường kính ngoài: khoảng 1.5 - 2.5mm (tối thiểu phải có cỡ 1.95mm), đường kính trong 1.25 ± 0.01mm . Bước ren 0.8mm ± 0.01mm - Chiều dài vít có các cỡ 6, 8, 10, 12, 14, 16, 18, 20mm - Đầu vít có góc khoảng 60 - 62° - Tương thích "Mũi khoan vùng hàm mặt, tương thích vít khoảng 1.5 - 2.5mm" tại hồ sơ mời thầu - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	1.130
7	Nẹp nhỏ cố định xương gãy vùng hàm mặt, hình chữ X, dạng gấp, 4 lỗ	Nẹp nhỏ cố định vùng hàm mặt, hình chữ X, dạng gấp, 4 lỗ - Chất liệu: titanium - Kích cỡ: rộng 11.2mm ± 0.01mm, dài 15.3mm ± 0.01mm, dày 0.6 - 0.65mm (tối thiểu phải có cỡ 0.6mm) - Dạng gấp bậc thang, độ dày bậc thang nhiều kích cỡ 2, 4, 6, 8, 10, 12mm - Cấu tạo: hình chữ X, 4 lỗ - Tương thích "Vít cố định xương vùng hàm mặt, đường kính khoảng 1.5 - 2.5mm" tại hồ sơ mời thầu - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	21

Signature

STT	Tên vật tư	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng
8	Nẹp nhỏ cố định vùng hàm mặt, dạng thẳng, 18 lỗ	Nẹp nhỏ cố định vùng hàm mặt, dạng thẳng, 18 lỗ - Chất liệu: titanium - Kích thước: dày 1 - 1.5mm (tối thiểu phải có cỡ 1.0mm), khoảng cách 2 lỗ 5.5mm ± 0.01mm, độ rộng đoạn nối 2 lỗ 2.0mm ± 0.01mm - Chiều dài nẹp 98mm ± 0.01mm - Cấu tạo: dạng thẳng, 18 lỗ - Tương thích "Vít cố định xương vùng hàm mặt, đường kính khoảng 1.5 - 2.5mm" tại hồ sơ mời thầu - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	81
9	Nẹp nhỏ cố định xương gãy vùng hàm mặt, chữ L phẳng, 4 lỗ	Nẹp nhỏ cố định vùng hàm mặt, hình chữ L dạng phẳng, 4 lỗ - Chất liệu: titanium - Kích thước: dày khoảng 1.0 - 1.2mm (tối thiểu phải có cỡ 1.0mm), khoảng cách 2 lỗ 5.5mm ± 0.01mm; khoảng cách bắc cầu 8.5mm ± 0.01mm và 11.5mm ± 0.01mm. - Rộng 10mm ± 0.01mm, dài 18.5mm ± 0.01mm và 21.5mm ± 0.01mm - Cấu tạo: hình chữ L góc khoảng 90 - 92°, dạng phẳng, 4 lỗ, - Tương thích "Vít cố định xương vùng hàm mặt, đường kính khoảng 1.5 - 2.5mm" tại hồ sơ mời thầu - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	57
10	Nẹp nhỏ cố định xương gãy vùng hàm mặt, chữ Y, 5 lỗ	Nẹp nhỏ cố định vùng hàm mặt, hình chữ Y, 5 lỗ - Chất liệu: titanium - Độ dày: khoảng 0.65 - 0.75mm (tối thiểu phải có cỡ 0.7mm), khoảng cách 2 lỗ 4.5mm ± 0.01mm - Cấu tạo: hình chữ Y, 5 lỗ - Tương thích "Vít cố định xương vùng hàm mặt, đường kính khoảng 1.5 - 2.5mm" tại hồ sơ mời thầu - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	52
11	Nẹp nhỏ cố định xương gãy vùng hàm mặt, hình chữ L, dạng gấp, 4 lỗ	Nẹp nhỏ cố định vùng hàm mặt, hình chữ L, dạng gấp, 4 lỗ - Chất liệu: titanium - Kích cỡ: khoảng 0.8 - 0.9mm (tối thiểu phải có cỡ 0.8mm), độ dày đoạn gấp tối thiểu có các cỡ 2, 3, 4, 5, 6mm. - Khoảng cách 2 lỗ: 5.5mm ± 0.01mm. - Cấu tạo: hình chữ L, dạng gấp, 4 lỗ - Tương thích "Vít cố định xương vùng hàm mặt, đường kính khoảng 1.5 - 2.5mm" tại hồ sơ mời thầu - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	34
12	Tay khoan tốc độ nhanh 4 lỗ, có đèn	Tay khoan tốc độ nhanh kèm khớp nối nhanh 4 lỗ, có đèn dùng để gắn mũi khoan các loại trong các thủ thuật, phẫu thuật nha khoa - Chất liệu: Thép - Kích thước: Đường kính đầu tay khoan khoảng 12.2 mm - 12.4mm (tối thiểu 3 cỡ: 12.2mm, 12.3mm, 12.4mm) - Cấu tạo: Cân thẳng. Đầu tiếp xúc với dây hơi của máy nha khoa cấu tạo 04 lỗ. Ba tia phun sương. Có đèn - Tốc độ: tối đa 330.000 vòng/phút - Công suất: tối đa 18W - Độ ồn: 62dB ± 1dB - Hệ thống xoay - Có màn lọc nước. - Tương thích "Mũi khoan kim cương dùng trong mài cùi răng, trám răng nội nha, các cỡ" tại hồ sơ mời thầu - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	23
13	Mũi khoan kim cương dùng trong mài cùi răng, trám răng nội nha, các cỡ	Mũi khoan kim cương dùng trong mài cùi răng, trám răng, nội nha - Chất liệu: thép không gỉ, đầu mũi khoan phủ kim cương - Thân mũi khoan phủ kim cương ở chiều dài làm việc, hạt kim cương có nhiều mức độ: mịn, thô. - Hình dáng đầu mũi khoan đa dạng: tối thiểu 50 loại, tương ứng tối thiểu 300 mã mũi khoan. - Chiều dài mũi khoan: 0.1 - 12.2mm (tối thiểu có 39 cỡ) - Đường kính: khoảng 0.2 - 4.2mm - Màu sắc: đen (180-212µm), xanh lá (125-150µm), xanh dương (106-125µm), đỏ (53-63µm), vàng (20-30µm) - Quy cách đóng gói: ≥ 50 cái/hộp - Tương thích với tay khoan tốc độ nhanh 4 lỗ	Cái	329
14	Mũi khoan vùng hàm mặt, tương thích vít khoảng 2.4 - 2.5mm	Mũi khoan lớn vùng hàm mặt dùng để khoan lỗ đặt vít trong cố định xương gãy vùng hàm mặt - Chất liệu thép không gỉ - Đường kính: 2.0mm ± 0.01mm - Chiều dài mũi khoan: khoảng 7.0 - 7.5cm (tối thiểu phải có cỡ 7.2cm) - Chiều dài mũi khoan: khoảng 11 - 11.5cm (tối thiểu phải có cỡ 11cm) - Chiều dài làm việc 2.5 - 3.0cm (tối thiểu phải có cỡ 2.5cm) - Tương thích "Vít cố định xương vùng hàm mặt, đường kính khoảng 2.4 - 2.5mm" tại hồ sơ mời thầu	Cái	5

STT	Tên vật tư	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng
15	Vít cố định xương vùng hàm mặt, đường kính khoảng 2.4 - 2.5mm	Vít loại lớn cố định xương vùng hàm mặt - Chất liệu: Titanium - Đường kính ngoài: khoảng 2.4 - 2.5mm (tối thiểu phải có cỡ 2.4mm), đường kính trong: 1.6mm ± 0.01mm. Bước ren 1.0mm ± 0.01mm - Chiều dài vít có các cỡ 8, 10, 12, 14, 16, 18, 20mm - Đầu vít có góc khoảng 60 - 62° - Tương thích "Mũi khoan vùng hàm mặt, tương thích vít khoảng 2.4 - 2.5mm", "Nẹp lớn cố định giữ chỗ 20, 26 lỗ, trái/phải" tại hồ sơ mời thầu - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	130
16	Nẹp lớn cố định giữ chỗ 20 lỗ, trái và phải	Nẹp lớn cố định giữ chỗ 20 lỗ, trái và phải dùng cố định xương gãy vùng hàm mặt - Chất liệu: titanium - Kích thước: Dày 2.0mm và 2.6mm. Khoảng cách từ tâm lỗ đầu đến tâm lỗ cuối trong khoảng 137 - 138mm - Cấu tạo: hình chữ L trái và phải, 20 lỗ (5 lỗ + 15 lỗ) - Tương thích "Vít cố định xương vùng hàm mặt, đường kính khoảng 2.4 - 2.5mm" tại hồ sơ mời thầu - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	2
17	Nẹp lớn cố định giữ chỗ 26 lỗ, trái và phải	Nẹp lớn cố định giữ chỗ 26 lỗ, trái và phải dùng cố định xương gãy vùng hàm mặt - Chất liệu: titanium - Kích thước: Dày 2.0mm và 2.6mm. Khoảng cách từ tâm lỗ đầu đến tâm lỗ cuối trong khoảng 185 - 186mm - Cấu tạo: hình chữ L trái và phải, 26 lỗ (5 lỗ + 21 lỗ) - Tương thích "Vít cố định xương vùng hàm mặt, đường kính khoảng 2.4 - 2.5mm" tại hồ sơ mời thầu - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	1
18	Bản sao chân răng	Bản sao chân răng, dùng trong thủ thuật, phẫu thuật cấy ghép implant - Chất liệu: titanium - Kích thước: + Đường kính khoảng 3.2 - 5.0mm (tối thiểu phải có cỡ 3.3mm, 3.75mm, 5.0mm), cao khoảng 12 - 13mm - Tương thích "Vật liệu cấy ghép chân răng bằng titanium các cỡ (Implant C1)", "Vật liệu cấy ghép chân răng bằng Titanium các cỡ (Implant V3)" tại hồ sơ mời thầu - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	83
19	Thân trụ răng cấy ghép implant, kết nối côn	Thân trụ răng cấy ghép implant, kết nối côn dùng trong thủ thuật, phẫu thuật cấy ghép implant - Chất liệu: titanium - Kích thước: đường kính: khoảng 4.0 - 5.8mm (tối thiểu phải có các cỡ 4.0mm, 4.8mm, 5.5mm, 5.8mm) - Tương thích "Vật liệu cấy ghép chân răng bằng titanium các cỡ (Implant C1)", "Vật liệu cấy ghép chân răng bằng Titanium các cỡ (Implant V3)" tại hồ sơ mời thầu - Cấu tạo: dạng thẳng, nghiêng, kết nối côn - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	61
20	Vật liệu cấy ghép chân răng, đường kính khoảng 3.0 - 5.5mm (trong nhổ răng và gắn phục hình tức thì)	Vật liệu cấy ghép chân răng sử dụng thay thế chân răng, trong những trường hợp nhổ răng đặt implant và gắn phục hình tức thì. - Chất liệu: Titanium tinh khiết độ 4 - Kích thước: Đường kính có tối thiểu cỡ 3.0, 3.5, 4.3, 5.0, 5.5mm; Chiều dài có tối thiểu cỡ 7, 8.5, 10, 11.5, 13, 15, 18mm. - Cấu tạo: Ren cắt hai chiều, kết nối trong, hình nón, lục giác - Tiệt khuẩn - Hỗ trợ đặt máy implant, bộ kit (dụng cụ, mũi khoan), kỹ thuật viên khi Bệnh viện yêu cầu - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	38
21	Bản sao chân răng cấy ghép kết nối lục giác, các cỡ	Bản sao chân răng cấy ghép kết nối lục giác, các cỡ dùng làm bản sao chân răng cấy ghép trong quy trình phục hình mào răng đối với cấy ghép chân răng xương gò má - Chất liệu: Hợp kim Titanium - Kích thước: Đường kính 3.0, 3.5, 3.75, 4.3, 5.0, 5.5mm - Cấu tạo: Kết nối hình nón lục giác - Tiệt khuẩn. - Hỗ trợ đặt máy implant, bộ kit (dụng cụ, mũi khoan), kỹ thuật viên khi Bệnh viện yêu cầu - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	16

Signature

STT	Tên vật tư	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng
22	Cây lấy dấu khay đóng, các cỡ	Cây lấy dấu khay đóng dùng trong thủ thuật, phẫu thuật cấy ghép implant - Chất liệu: titanium - Cấu tạo: khay đóng - Đường kính: khoảng 4.0 - 5.5mm (tối thiểu phải có các cỡ 4.0mm, 4.8mm, 5.5mm) - Chiều cao nướu: khoảng 2 - 2.5mm - Chiều cao phục hình: khoảng 6 - 6.5mm - Lực vận khoảng 20 - 25Ncm. - Tương thích "Vật liệu cấy ghép chân răng bằng titanium các cỡ (Implant C1)", "Vật liệu cấy ghép chân răng bằng Titanium các cỡ (Implant V3)" tại hồ sơ môi trường Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	234
23	Cây lấy dấu khay mở, các cỡ	Cây lấy dấu khay mở dùng trong thủ thuật, phẫu thuật cấy ghép implant - Chất liệu: titanium - Kích cỡ: đường kính: khoảng 2.5 - 5.0mm (tối thiểu phải có các cỡ 2.8, 3.2mm, 3.3mm, 3.75mm, 4.1mm, 5.0mm), chiều cao khoảng 11 - 15mm - Lực vận: khoảng 20 - 25Ncm. - Tương thích "Vật liệu cấy ghép chân răng bằng titanium các cỡ (Implant C1)", "Vật liệu cấy ghép chân răng bằng Titanium các cỡ (Implant V3)" tại hồ sơ môi trường - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	200
24	Vật liệu cấy ghép chân răng bằng titanium các cỡ (Implant C1)	Vật liệu cấy ghép chân răng bằng titanium các cỡ (Implant C1) - Chất liệu: Titanium + Đường kính tối thiểu có các cỡ 3.3, 3.75, 4.2, 5.0mm + Chiều dài tối thiểu có các cỡ 8, 10, 11.5, 13, 16mm - Đóng gói: 01 chân răng nhân tạo, 01 trụ phục hình tạm thời, 01 mũi khoan hoàn tất, 01 nắp đẩy chân răng nhân tạo - Bước ren: 1.5mm - Cỗ hình tròn, áp dụng tạo hình thông thường - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	252
25	Bệ đỡ, bảo vệ và tái tạo mô mềm trong phục hình răng	Bệ đỡ, bảo vệ và tái tạo mô mềm trong phục hình răng được gắn vào thời điểm đặt implant, bảo vệ và tái tạo mô mềm trong phục hình răng. - Chất liệu: Hợp kim Titanium - Kích thước: đường kính có tối thiểu các cỡ 3.5, 4.3, 5.0mm, Chiều cao nướu: 1.75, 2.5mm - Cấu tạo: Kết nối trong và ngoài, lục giác - Tiệt khuẩn. - Hỗ trợ đặt máy implant, bộ kit (dụng cụ, mũi khoan), kỹ thuật viên khi Bệnh viện yêu cầu - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	27
26	Bơm tiêm nha	Bơm tiêm nha dùng để lắp ống thuốc tê nha và kim tê nha trong gây tê vùng hàm mặt - Chất liệu: thép không gỉ mạ Crôm - Kích thước: chiều dài khoảng 11 - 12cm - Dung tích: khoảng 1.8ml - 2.2ml (tối thiểu 2 cỡ: 1.8ml, 2.2ml) - Cấu tạo: Gồm ống bơm và cán đẩy trong lòng ống, cán tay cầm có thể xoay, đầu tiếp nối kim có rãnh xoắn thích hợp với kim gây tê nha khoa các loại. Có 2 loại: hút ngược và không hút ngược. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	20
27	Bột xương cấy ghép nhân tạo, dạng hạt 1.2cc	Bột xương cấy ghép nhân tạo, dạng hạt 1.2cc ứng dụng ghép các vùng xương khuyết hổng, ổ răng, nâng xoang. - Chất liệu: xương heo - Kích thước hạt: khoảng 0.25 - 2.0mm - Độ xốp toàn thể 78.4 - 78.5% (tối thiểu phải có cỡ 78.4%) - Trọng lượng: $\geq 0.5g$ - Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	35
28	Bột xương cấy ghép nhân tạo, dạng hạt 1.8cc	Bột xương cấy ghép nhân tạo, dạng hạt 1.8cc ứng dụng ghép các vùng xương khuyết hổng, ổ răng, nâng xoang. - Chất liệu: xương heo - Kích thước hạt: khoảng 1.0 - 2.0mm - Độ xốp toàn thể 78.4 - 78.5% (Tối thiểu phải có cỡ 78.4%) - Trọng lượng: $\geq 0.5g$ - Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	67

STT	Tên vật tư	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng
29	Cán dao dùng cho lưỡi dao mổ số 11, 15	Cán dao dùng cho lưỡi dao mổ số 11, 15 - Chất liệu: Thép không gỉ - Chiều dài các cỡ khoảng 10 - 15cm (có tối thiểu cỡ 12.5cm) Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	64
30	Vật liệu cấy ghép chân răng bằng Titanium các cỡ (Implant V3)	Vật liệu cấy ghép chân răng (Implant V3) giải pháp thay thế cho chân răng bị mất - Chất liệu: Titanium + Đường kính tối thiểu có các cỡ 3.3, 3.9, 4.3, 5.0mm + Chiều dài tối thiểu có các cỡ 8, 10, 11.5, 13, 16mm - Cỗ hình tam giác, áp dụng tạo hình cho vùng thẩm mỹ - Đóng gói: 01 chân răng nhân tạo, 01 mũi khoan hoàn tất, 01 nắp đậy chân răng nhân tạo - Tiệt khuẩn. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	119
31	Trụ chân răng nhân tạo xương gò má các cỡ	Trụ chân răng nhân tạo xương gò má, các cỡ sử dụng thay thế chân răng, trong những trường hợp mất xương trầm trọng phải cấy ghép vào xương gò má. - Chất liệu: Titanium tinh khiết độ 4. - Kích thước: Đường kính có tối thiểu các cỡ 4.1mm, 5mm; Chiều dài có tối thiểu các cỡ 30, 35, 37.5, 40, 42.5, 45, 47.5, 50, 52.5mm - Cấu tạo: Vật liệu cấy ghép chân răng 0° và 45°, kết nối ngoài dạng lục giác - Tiệt khuẩn - Hỗ trợ đặt máy implant, bộ kit (dụng cụ, mũi khoan), kỹ thuật viên khi Bệnh viện yêu cầu - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	16
32	Mắc cài sứ	Mắc cài sứ là vật liệu nắn chỉnh răng, dành cho thủ thuật chỉnh nha thẩm mỹ - Chất liệu: sứ đơn tinh thể, màu trong suốt - Cấu tạo: bề mặt siêu mịn, mặt lưng có rãnh lưới, bo tròn góc cạnh, hình vòm, không bám bẩn, không đổi màu. Chống gây mô-men xoắn cao hơn ba lần so với mắc cài đa tinh thể. Để phù hợp alumina. - Cánh buộc được thiết kế với bán kính nhẵn ở phần gốc của mỗi cánh - Độ dày cánh buộc giảm trên mỗi mắc cài - Tương thích với các dây cung, dây thun các loại - Quy cách: ≥ 20 cái/bộ Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	65
33	Cây ấn khâu	Cây ấn khâu dùng để hỗ trợ tạo lực đẩy khâu răng xuống thân răng, bao trùm xung quanh răng khít sát với thân răng. Giúp đặt khâu và làm lành bờ khâu - Chất liệu: thép không gỉ - Cán (tay cầm): dài khoảng 10 - 12cm (có tối thiểu 2 cỡ: 10cm; 12cm), có vân nhám chống trượt - Đầu ấn khâu nhám, có vân nhỏ, hình tam giác - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cái	11
34	Cây bóc tách màng xương, nướu	Cây bóc tách màng xương, bóc tách nướu vùng hàm mặt - Chất liệu: thép không gỉ - Chiều dài khoảng 10 - 12cm (có tối thiểu 2 loại: 10cm, 12cm), có vân chống trơn trượt - 2 đầu bóc tách nhiều hình dạng: tam giác, hình lòng máng, nhọn, tròn. - Độ dày: khoảng 3.0 - 10mm (có tối thiểu các cỡ: 3.0; 3.5; 4.0; 4.5; 5.0; 7.0; 7.5; 8.0; 10mm) - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cái	52
35	Cây đục xương	Cây đục xương dùng để gọt, lấy đi phần xương dư thừa hoặc xương bệnh lý tạo hình xương trong thủ thuật, phẫu thuật hàm mặt - Chất liệu: thép không gỉ - Chiều dài cây đục xương: 180mm ± 5mm (tối thiểu có cỡ 180mm) - Đầu đục xương sắc bén, phẳng - Hình dạng đầu đục xương: hình thang, chóp, tù, nhọn. - 2 đầu cong ngược chiều nhau, độ mở rộng khoảng 2.0 - 3.5mm (có tối thiểu các cỡ: 2.0mm; 2.5mm, 3.0mm và 3.5mm) - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cây	13
36	Cây dũa xương trong phẫu thuật hàm mặt	Cây dũa xương dùng để lấy đi phần xương dư thừa, làm mịn, nhẵn vùng xương sau thủ thuật, phẫu thuật hàm mặt - Chất liệu: thép không gỉ - Chiều dài cây dũa xương: khoảng 18 - 20cm (có tối thiểu 2 cỡ: 18cm; 20cm) - Đầu dũa xương: chiều ngang khoảng 4.0 - 9.5mm (có tối thiểu 5 cỡ: 4.0mm; 5.0mm; 5.5mm; 5.8mm; 9.5mm), chiều dài khoảng 12 - 27mm (có tối thiểu 5 cỡ: 12; 15; 17; 18; 27mm) - Đầu dũa xương các cỡ: chiều ngang khoảng 4.0 - 9.5cm, chiều dài khoảng 12 - 27mm - Một hoặc hai đầu dũa xương nghiêng 2 chiều, bề mặt nhám, bén - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	16

Joanmes

STT	Tên vật tư	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng
37	Cây lèn dọc hoặc ngang	Cây lèn dọc hoặc ngang dùng để lèn và chèn vật liệu trám răng vào buồng tủy và ống tủy trong điều trị nội nha - Chất liệu: Thép không gỉ - Tay cầm: chiều dài khoảng 15 - 20cm (có tối thiểu 2 cỡ: 15cm, 20cm), đường kính khoảng 6 - 8mm (có tối thiểu 2 cỡ: 6mm, 8mm), bề mặt nhám - Một đầu hoặc hai đầu lèn dài khoảng 23 - 28mm (có tối thiểu 2 cỡ: 23mm, 28mm), đường kính khoảng 0.25mm - 0.6mm (có tối thiểu 3 cỡ: 0.25, 0.4, 0.6mm), độ xoắn ≤ 3% (có tối thiểu 1 cỡ 3%) nhọn, gập góc khoảng 90 độ - 120 độ (có tối thiểu 2 cỡ: 90 độ và 120 độ) - Đầu cây lèn cứng, láng, nhiều kích cỡ - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	16
38	Cây móc phẫu thuật nha khoa	Cây móc phẫu thuật nha khoa là công cụ giữ, kéo mô cơ niêm mạc dùng trong thủ thuật, phẫu thuật vùng hàm mặt - Chất liệu: thép không gỉ - Tay cầm: dài khoảng 10 - 20cm (có tối thiểu 3 cỡ: 10, 15, 20cm), đường kính khoảng 6 - 8mm (có tối thiểu 3 cỡ: 6, 7, 8mm), bề mặt nhám - Đầu móc đơn hoặc đôi có hai đầu đối chiều nhau - Đầu móc cong hình lưỡi liềm, bén cứng, nhọn, tiết diện nhỏ, thẳng - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	16
39	Cây nạo ngà răng	Cây nạo ngà răng lấy mô ngà mủn, ngà hư trong thủ thuật trám răng - Chất liệu: Thép không gỉ - Tay cầm dài khoảng 15 - 20cm, bề mặt nhám - Đầu nạo hình lòng máng, đường kính khoảng 1.5 - 2 mm, cứng, bén, hai đầu nạo đối chiều nhau, nhiều hình dạng - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	16
40	Cây nạo nha chu viêm	Cây nạo nha chu viêm dùng nạo các mô cơ, niêm mạc viêm, nhiễm trùng ở vùng nướu viêm và vùng phẫu thuật hàm mặt - Chất liệu: Thép không gỉ - Tay cầm dài: khoảng 15 - 20cm (có tối thiểu cỡ 15cm), đường kính ≤ 6.5mm (có tối thiểu cỡ 6.5mm), bề mặt nhám - Đầu nạo hình lòng máng, dẹp dài, đầu vát tròn, cứng, bén, đường kính khoảng 1.9 - 2.0mm (có tối thiểu 2 cỡ: 1.9, 2.0mm) - Đầu nạo gập khúc, 2 đầu nạo đối chiều nhau - Chiều dài đầu nạo khoảng 2 - 3cm (có tối thiểu 3 cỡ: 2, 2.5, 3cm) - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	9
41	Cây nạo ổ răng	Cây nạo ổ răng dùng nạo các mô cơ, niêm mạc viêm, nhiễm trùng ở ổ răng và vùng phẫu thuật hàm mặt - Chất liệu: Thép không gỉ - Tay cầm dài khoảng 15 - 20cm (có tối thiểu cỡ 15cm), bề mặt nhám - Đầu nạo hình lòng máng, chiều dài khoảng 2.8 - 7.0mm (có tối thiểu 7 cỡ: 2.8; 3.6; 4.0; 4.4; 5.0; 6.0; 7.0mm), chiều ngang khoảng 2.0 - 5.0mm (có tối thiểu 4 cỡ: 2.0; 2.5; 3.0; 5.0mm), sắc bén - Đầu nạo gập khúc tạo thành góc khoảng 90 độ - 180 độ (có tối thiểu 2 cỡ: 90 độ, 180 độ), 2 đầu nạo đối chiều nhau - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	16
42	Cây thám trám nha khoa một đầu hoặc hai đầu	Cây thám trám một đầu hoặc hai đầu là công cụ khám răng, phát hiện các tổn thương trên răng - Chất liệu: Thép không gỉ - Tay cầm dài khoảng 15 - 20cm, bề mặt nhám - Đầu khám thám trám có vạch đo 1 - 15mm, không bay màu vạch khi tiếp xúc ở nhiệt độ cao - Cây thẳng một đầu hoặc 2 đầu (một đầu cong lưỡi liềm, gập góc, một đầu gập thẳng) - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cây	57
43	Cây trám Composite	Cây trám Composite là công cụ làm láng, mịn bề mặt chất phủ trám răng bằng vật liệu composite, tạo hình thể răng như mong muốn - Chất liệu: thép không gỉ - Tay cầm dài khoảng 15 - 20cm (có tối thiểu 2 cỡ: 15, 20cm), bề mặt nhám, có mã hóa màu theo các size (có tối thiểu 5 màu: đỏ, xanh dương, xanh lá, trắng, vàng) - Đầu trám: dây khoảng 0.1 - 0.2mm (có tối thiểu 2 cỡ: 0.1 và 0.2mm), đường kính khoảng 0.9 - 3.2mm (có tối thiểu 4 cỡ: 0.9, 1.5, 1.6, 3.2mm) - Hai đầu được phủ lớp chống dính, hình dạng: tam giác, tròn, lưỡi liềm, dẹp, xoay hai hướng đối chiều nhau - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cây	154
44	Cây trám răng các loại	Cây trám các loại dùng để đưa vật liệu trám răng vào các vùng răng sâu trong trám răng - Tay cầm dài khoảng 10 - 20cm (có tối thiểu 3 cỡ: 10, 15, 20cm), đường kính khoảng 6 - 8mm (có tối thiểu 3 cỡ: 6, 7, 8mm), bề mặt nhám - Đầu trám nhiều hình dạng: tròn, dẹp, trụ, nhám. Đầu cứng, láng, nhiều kích cỡ, đường kính khoảng 1.0 - 3.5mm (có tối thiểu 5 cỡ: 1.0, 1.5, 2.2, 2.5, 3.5mm) - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cây	38

STT	Tên vật tư	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng
45	Cây vận ngắn/dài trong cây ghép implant	Cây vận ngắn và dài dùng để vận ốc kết nối trong thủ thuật phẫu thuật cấy ghép implant - Chất liệu: thép không gỉ - Kích cỡ: dài khoảng 21 - 27mm, bề mặt tay cầm có đường vân. - Đường kính đầu vận khoảng 0.05 - 0.06 inch - Tương thích với các ốc vận trong hệ thống vật liệu cấy ghép chân răng Implant Titanium C1/V3 Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	15
46	Vật liệu trám bít các lỗ hổng trên răng, dạng đặc (tạo hình răng hàm, xoang trám lớn)	Vật liệu trám bít các lỗ hổng trên răng, dạng đặc (tạo hình răng hàm, xoang trám lớn) - Chất liệu: Composite Harmonize - Thành phần: hạt độn nano $\geq 81\%$ - Dạng đặc - Trọng lượng: $\geq 4g$ Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Tuýp	159
47	Chất trám răng dạng lỏng (trám xoang nhỏ, trám lót cho xoang lớn)	Chất trám răng dạng lỏng có tác dụng lấp đầy các lỗ hổng trên răng - Thành phần: Composite lỏng - Có cân quang cao, dễ nhìn thấy khi chụp với tia X - Có độ sánh, độ dẫn dính tốt, có nhiều màu tương ứng với màu răng - Trọng lượng: $\geq 2g$ - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Tuýp	88
48	Chỉ co nướu cỡ #0, #00	Chỉ co nướu dùng để tách nướu trước khi lấy dấu cùi răng, tách nướu trường hợp trám xoang loại V, để định hình đường hoàn tất trước khi mài cùi cho mão răng, cũng như trước khi gắn mão răng, kiểm soát dưới nướu trong quá trình điều trị nhay cảm ở cổ răng - Chất liệu: 100% cotton, không ngâm tẩm hóa chất - Sợi chỉ dạng mảnh và trung bình, dài $\geq 330cm$ /cuộn - Kích cỡ (độ dày của sợi chỉ): #0, #00 - Cấu trúc vòng xoắn, không bị bật các sợi chỉ ra, cố định được vị trí muốn đặt chỉ - Thước đo và lưới dao cắt tích hợp trên lọ Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cuộn	74
49	Chỉ co nướu cỡ #000	Chỉ co nướu dùng để tách nướu trước khi lấy dấu cùi răng, tách nướu trường hợp trám xoang loại V, để định hình đường hoàn tất trước khi mài cùi cho mão răng, cũng như trước khi gắn mão răng, kiểm soát dưới nướu trong quá trình điều trị nhay cảm ở cổ răng - Chất liệu: 100% cotton, không ngâm tẩm hóa chất - Sợi chỉ dạng mảnh và trung bình, dài $\geq 330cm$ /cuộn - Kích cỡ (độ dày của sợi chỉ) #000 - Cấu trúc vòng xoắn, không bị bật ra, cố định được vị trí muốn đặt chỉ - Thước đo và lưới dao cắt tích hợp trên lọ - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cuộn	49
50	Chỉ nha khoa	Chỉ nha khoa làm sạch răng, lấy mảng bám trên răng và kẽ giữa các răng, lấy vật liệu trám dư trong thủ thuật trám răng - Chất liệu: polytetrafluoroethylene (PTFE) hoặc sợi nylon - Cấu tạo: Sợi chỉ dạng mảnh, đơn sợi, trơn, dễ trượt qua các kẽ răng - Chiều dài cuộn tối thiểu 40m - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cuộn	133
51	Chốt đặt cố định trong ống tủy	Chốt đặt cố định trong ống tủy dùng trong điều trị tủy răng, phục hình thân răng có chốt - Thành phần: Titanium - Có tối thiểu 4 cỡ: 6.25mm x 2mm, 7.5mm x 2mm, 9.25mm x 2.25mm, 11mm x 2.5mm - Đường kính: khoảng 0.8mm - 1.0mm (có tối thiểu cỡ 0.8mm) - Cấu tạo: gồm nhiều rãnh hình xoắn ốc, thuận dần đều phù hợp với độ thuận của ống tủy, dễ bẻ cong theo hình dạng ống tủy - Đóng gói: ≥ 25 cái/vi - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Vi	59
52	Chốt (Vít) nhỏ trong chính nha	Chốt (Vít) nhỏ trong chính nha dùng trong khoan và cấy ghép trực tiếp vào xương hàm, kết hợp thun kéo các loại, tạo lực kéo giữ không cho các răng xô dịch chạy khỏi cung hàm hoặc làm lún, trôi răng theo mong muốn - Thành phần: Titanium - Chiều dài: khoảng 3 - 10mm (có tối thiểu 3 cỡ: 6, 8, 10mm) - Đường kính đầu vít: 1.2mm - Đường kính cổ vít: 0.7mm - Đường kính mũi vít: khoảng 1.2 - 2.0mm (có tối thiểu 5 cỡ: 1.2, 1.4, 1.6, 1.8, 2.0mm) - Cấu tạo: gồm nhiều rãnh hình xoắn ốc, thuận dần đều, bám chắc vào xương hàm - Đầu vít có khía phù hợp với đầu cây vận và thân vận, cán vận - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	47

Signature

STT	Tên vật tư	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng
53	Cọ tẩm bông bôi keo trám răng	Cọ tẩm bông dùng để bôi keo trám răng vào xoang cần trám, ống tuý dùng trong trám răng - Chất liệu: cán nhựa PP, đầu bôi keo bằng bông tròn nhỏ, không rụng lông tơ khi sử dụng, sợi kháng dung môi. - Cán nhựa dài: khoảng 5 - 8cm (có tối thiểu cỡ 8cm) - Đầu tẩm bông đường kính: khoảng 1 - 1.5mm (có tối thiểu cỡ 1.5mm) - Màu sắc: Tím (siêu mịn), xanh lá (mịn), xanh dương (trung bình) - Sử dụng 1 lần - Đóng gói: ≥ 100 cây/hộp - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Hộp	92
54	Cùi chốt giả đúc kim loại	Cùi chốt giả đúc kim loại giúp tái tạo cùi răng và mô chân răng liên kết với nhau thông qua chốt. Nhờ điều này mà lực nhai đi qua mao răng tới phần tái tạo cùi răng có thể dễ dàng đi xuống mô chân răng và toả ra mô nha chu xung quanh. - Cấu tạo: Kim loại Nguyên khối - Chất liệu: Hợp kim Crome-cobal - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh. - Hỗ trợ kỹ thuật viên phối hợp với Bác sĩ của Bệnh viện để hoàn thiện sản phẩm. - Yêu cầu khi sử dụng: Không kích ứng niêm mạc miệng. - Đóng gói: 1 cái/gói - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	cái	39
55	Cung lưỡi cố định các răng hàm, hàm dưới	Cung lưỡi cố định các răng hàm dưới dùng để duy trì sự thẳng hàng của các răng hàm dưới (36, 46) ở nguyên 1 vị trí trong quá trình niềng răng, giữ cho các răng hàm không bị xô dịch, được lưu giữ nhờ các khâu nắn chỉnh răng hoặc các chụp thép cố sẵn. - Chất liệu: Dây blue Elgiloy (Hợp kim) - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh - Hỗ trợ kỹ thuật viên phối hợp với Bác sĩ của Bệnh viện để hoàn thiện sản phẩm. - Yêu cầu khi sử dụng: Đây là khí cụ cố định được gắn chặt vào cung hàm dưới, không kích ứng niêm mạc miệng, không thấm hút nước bọt, dễ dàng chỉnh sửa theo yêu cầu của nha sĩ. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	5
56	Cung cố định các răng hàm hàm trên	Cung cố định các răng hàm hàm trên là khí cụ có tác dụng giữ cho các răng hàm (16, 26) ở hàm trên cố định ở nguyên 1 vị trí trong quá trình niềng răng, giữ cho các răng hàm không bị xô dịch. Được lưu giữ nhờ các khâu nắn chỉnh răng hoặc các chụp thép cố sẵn. - Cấu tạo: Gồm 1 cung dây thép có đường kính 0.9mm, cung dây thép phía sau nối với band gắn hai răng hàm lớn thứ nhất hàm trên và phía trước nối với phần nhựa áp sát vào niêm mạc vòm miệng - Chất liệu: Nhựa acrylic, Thép không gỉ. + Cung thép gắn liền với 2 khâu răng cố định trên răng hàm lớn hàm trên + Phần nhựa nằm giữa, trên cung, tì vào khâu cái cứng vùng răng cửa trước. - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh. - Yêu cầu khi sử dụng: không kích ứng niêm mạc miệng - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	16
57	Mũi khoan thép nha khoa tốc độ chậm	Mũi khoan thép tốc độ chậm sử dụng trong điều trị khoan cắt răng, phục hình răng, phẫu thuật, làm sạch lỗ sâu răng, khoan cắt xương hàm, mài tạo cùi răng - Chất liệu: thép cường lực - Hình dạng đầu mũi khoan: xoắn ốc, tròn, trụ, chóp. - Cán dài, sử dụng tay thẳng chậm. - Chiều dài cả mũi khoan: khoảng 4 - 5cm (tối thiểu có cỡ 4.45cm) - Quy cách đóng gói: ≥ 5 mũi/vi - Tương thích "Tay khoan khuấy/thẳng tốc độ chậm" tại hồ sơ mời thầu	Vi	500
58	Tay khoan khuấy và thẳng tốc độ chậm	Tay khoan khuấy và thẳng dùng để gắn mũi khoan các loại trong các thủ thuật, phẫu thuật nha khoa - Chất liệu: thép - Cấu tạo: Có 2 loại: Cán thẳng (đầu làm việc thẳng), cán khuấy (đầu làm việc cong). Có kẹp phun nước bên ngoài, có khả năng xoay 360 độ. Hệ thống ngàm bấm - Chiều cao đầu khoan (với mũi 19mm): ≥ 20.8 mm (có tối thiểu cỡ 20.8mm) - Chiều dài tối đa mũi khoan: khoảng 34 - 50mm (có tối thiểu 2 cỡ: 34mm, 50mm) - Kích thước: đường kính vỏ ngoài ≥ 18 mm - Tốc độ chậm của motor kết nối tối đa: 40.000 vòng/phút - Hệ thống khóa giữ mũi khoan loại bấm (đối với tay khuấy)/ khóa giữ mũi khoan loại xoay (đối với tay thẳng) - Tương thích "Mũi khoan thép nha khoa tốc độ chậm" tại hồ sơ mời thầu - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	57
59	Mũi mài sửa, đánh bóng hàm giả, các cỡ	Mũi mài sửa, đánh bóng hàm giả, các cỡ trong phục hình răng - Chất liệu: thép không gỉ - Chiều dài: khoảng 22mm - 34mm (có tối thiểu 3 cỡ: 22, 28, 34mm) - Đường kính khoảng 0.6mm - 2.3mm (tối thiểu 9 cỡ) - Tốc độ quay tối đa: 1200 vòng/phút (với chiều dài 22mm, 28mm); 800 vòng/phút (với chiều dài 34mm) - Có thể loại bỏ ngà bị mềm. - Đóng gói 6 cái/hộp - Tương thích "Tay khoan khuấy/thẳng tốc độ chậm" tại hồ sơ mời thầu	Hộp	8

STT	Tên vật tư	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng
60	Đai cao su đánh bóng răng	Đai cao su đánh bóng răng trong điều trị nha chu, trám răng, phục hình - Chất liệu: phần đầu bằng cao su, phần thân bằng thép không gỉ - Chiều dài: khoảng 2.5 - 3cm - Sử dụng 1 lần - Tương thích "Tay khoan khuấy/thăng tốc độ chậm" tại hồ sơ môi thấu - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	1.872
61	Dụng cụ đưa chất trám bít vào ống tủy	Dụng cụ đưa chất trám bít vào ống tủy dùng để quay thuốc trám bít ống tủy trong điều trị nội nha, quay cement gắn chốt/cùi giả, cao su lỏng khi lấy dấu. - Chất liệu: thép không gỉ + Đường kính đầu tip: khoảng 0.25 - 0.4mm (có tối thiểu các cỡ 0.25, 0.30, 0.35, 0.4mm) + Chiều dài: khoảng 21 - 29mm (có tối thiểu 3 cỡ: 21, 25, 29mm) - Độ trơn 2% - Hiện thị màu tương ứng từ số nhỏ nhất tới số lớn nhất, phù hợp với kích cỡ đa dạng của ống tủy - Hình dạng: lò xo - Quy cách đóng gói: ≥ 4 cái/hộp - Tương thích "Tay khoan khuấy/thăng tốc độ chậm" tại hồ sơ môi thấu	Hộp	47
62	Đai đánh bóng răng bằng silicon	Đai đánh bóng răng bằng silicon dùng trong trám răng composite - Chất liệu: phần đầu bằng silicone, phần thân bằng nhựa hoặc thép không gỉ - Hình dạng: đĩa, chóp, nụ - Chiều dài các cỡ: khoảng 1.8 - 2.0cm (có tối thiểu loại 1.8cm) - Quy cách đóng gói: ≥ 30 cái/hộp - Tương thích "Tay khoan khuấy/thăng tốc độ chậm" tại hồ sơ môi thấu	Hộp	56
63	Đai kim loại hỗ trợ tạo hình miếng trám răng	Đai kim loại hỗ trợ tạo hình miếng trám răng - Chất liệu: thép không gỉ - Cấu tạo: dẹp, mỏng, dẻo, dễ uốn cong. Có 2 loại: trơn và đục lỗ. - Độ dày: ≥ 0.04mm - Quy cách đóng gói: 12 cái/hộp - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Hộp	138
64	Dao làm sáp, các cỡ	Dao làm sáp, các cỡ dùng trong phục hình nha khoa - Chất liệu: thép không gỉ - Chiều dài: ≥ 145mm - Đầu dao nhiều kích cỡ, 1 đầu hoặc 2 đầu, thẳng, cong, lòng máng, nhọn, tù. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cái	65
65	Đầu bơm cao su lấy dấu loại nhẹ	Đầu bơm cao su lấy dấu loại nhẹ - Chất liệu: nhựa - Hình dạng: cong hình phễu - Có tối thiểu 91x8.0mm, 88x6.3mm, 85x5.3mm, 71x4.2mm - Quy cách đóng gói: 50 cái/gói - Sử dụng 1 lần	Cái	1.307
66	Đầu tiếp nối để bơm cao su lấy dấu loại nhẹ	Đầu tiếp nối để trộn và bơm cao su loại nhẹ - Chất liệu: Nhựa - Cấu tạo: thẳng, hình trụ - Có tối thiểu 3 cỡ: 25x5.2mm, 24.2x4.2mm, 20x6.5mm - Sử dụng 1 lần	Cái	818
67	Dầu xịt tay khoan	Dầu xịt tay khoan dùng để bôi trơn tay khoan giúp gia tăng tuổi thọ của vòng bi và tay khoan trong các thủ thuật, phẫu thuật nha khoa - Dầu có độ tinh khiết tối đa - Chịu được nhiệt cao khi hấp tiết trùng - Không chứa các thành phần độc hại, không gây hại cho cơ thể người và thân thiện với môi trường - Tương hợp vật liệu cao, bảo vệ an toàn cho độ bền của các bộ phận nhựa, ron cao su, thủy tinh... - Thể tích: ≥ 400ml - Chai dạng xịt kèm nắp xịt tương thích cho tất cả các tay khoan nha khoa chậm, nhanh, thẳng, khuấy. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Chai	18

Lowmex

STT	Tên vật tư	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng
68	Dây cung chỉnh nha hợp kim Niken-Titan, tròn, cung oval hàm trên và hàm dưới, các cỡ	Dây cung chỉnh nha dùng trong các thủ thuật chỉnh nha (niềng răng) cho giai đoạn tiền chỉnh nha - Chất liệu: hợp kim Niken-Titan - Tiết diện: tròn - Hình dạng: cung oval: hàm trên và hàm dưới - Đường kính có kích cỡ khoảng 0.012 - 0.018 inch (có tối thiểu 4 cỡ 0.012, 0.014, 0.016, 0.018) - Tương thích với mắc cài các loại	Sợi	1.622
69	Dây cung chỉnh nha hợp kim Niken-Titan, vuông, cung oval hàm trên và hàm dưới, các cỡ	Dây cung chỉnh nha dùng trong các thủ thuật chỉnh nha, tham gia kiểm soát lực kéo sớm - Chất liệu: Hợp kim Niken-Titan - Tiết diện: vuông - Hình dạng: cung oval, hàm trên và hàm dưới - Có tối thiểu 5 cỡ: 0.016 x 0.016 inch, 0.016 x 0.025 inch, 0.017 x 0.025 inch, 0.018 x 0.025 inch, 0.019 x 0.025 inch - Tương thích với mắc cài các loại	Sợi	1.235
70	Dây cung chỉnh nha thép không gỉ, tròn, cung oval hàm trên và hàm dưới, các cỡ	Dây cung chỉnh nha dùng trong các thủ thuật chỉnh nha, áp dụng cho giai đoạn kết thúc - Chất liệu: Thép không gỉ - Tiết diện: tròn - Hình dạng: cung oval hàm trên và hàm dưới - Đường kính: khoảng 0.012 - 0.018 inch (có tối thiểu 4 cỡ: 0.012; 0.014; 0.016; 0.018 inch) - Tương thích với mắc cài các loại	Sợi	164
71	Dây SS vuông, cung oval hàm trên và hàm dưới, các cỡ	Dây cung chỉnh nha dùng trong các thủ thuật chỉnh nha, áp dụng cho giai đoạn kết thúc - Chất liệu: Thép không gỉ - Tiết diện: vuông - Hình dạng: cung oval - Có tối thiểu 5 cỡ: 0.016 x 0.016 inch, 0.016 x 0.025 inch, 0.017 x 0.025 inch, 0.018 x 0.025 inch, 0.019 x 0.025 inch - Tương thích với mắc cài các loại	Sợi	2.441
72	Dây thép buộc chỉnh nha (dạng sợi thẳng)	Dây thép buộc chỉnh nha cố định hàm, răng trong các thủ thuật chỉnh hình răng mọc lệch lạc, niềng răng - Chất liệu: thép không gỉ - Kích thước: đường kính khoảng 0.012 - 0.045 inch (tối thiểu 13 cỡ tròn, tối thiểu 7 cỡ chữ nhật) - Hình dạng: sợi thẳng, tiết diện tròn, chữ nhật, vuông. Dễ bẻ cong, dễ cắt theo hình dạng cung răng - Tương thích với khâu răng, cung chỉnh nha, mắc cài	Sợi	79
73	Dây thép buộc chỉnh nha (dạng cuộn)	Dây thép buộc chỉnh nha cố định hàm, răng trong các thủ thuật chỉnh hình răng mọc lệch lạc, niềng răng - Chất liệu: thép không gỉ - Kích thước: đường kính khoảng 0.009 inch (0.23mm) - 0.014 inch (0.36mm) (có tối thiểu 5 cỡ: 0.009 inch (0.23mm), 0.010 inch (0.25mm), 0.011 inch (0.28mm), 0.012 inch (0.30mm), 0.014 inch (0.36mm)) - Trọng lượng: $\geq 500g$ - Hình dạng: dạng cuộn, dễ bẻ cong, dễ cắt theo hình dạng cung răng - Tương thích với khâu răng, cung chỉnh nha, mắc cài chỉnh nha	Cuộn	3
74	Dây thép cố định hàm, thép không gỉ, các cỡ	Dây thép cố định hàm, thép không gỉ, các cỡ trong các chấn thương vùng hàm mặt - Chất liệu: thép không gỉ - Dạng cuộn, dễ bẻ cong, dễ cắt theo hình dạng cung răng - Kích thước: đường kính 0.5mm $\pm$ 0.01mm - Chịu lực nén: khoảng 1800 - 2000N/mm² - Chiều dài: $\geq 50m$/cuộn - Tương thích với cung cố định hàm và dây cột	Cuộn	7
75	Đệm hàm cứng	Đệm hàm cứng dùng lót bên trong hàm giả trong trường hợp hàm giả đang đeo bị lỏng không khớp với cung hàm. - Cấu tạo: Từ lớp nền nhựa, cấu tạo như là nướu giả và cũng đảm nhận vai trò tương tự như nướu thật. - Chất liệu: Nhựa Acrylic GC. - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của Bác sĩ. - Yêu cầu khi sử dụng: Tạo nên lớp êm ái giữa hàm giả và nướu, giảm áp lực hàm giả tác động vào nướu, cải thiện độ dính và vừa khít giữa hàm giả và cung hàm, tạo cảm giác thoải mái, không vướng, không cộm, không gây tổn thương nướu và niêm mạc miệng, môi dễ chịu, không phát sinh nhiệt. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	5

STT	Tên vật tư	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng
76	Đĩa đánh bóng composite	Đĩa đánh bóng composite làm mịn, bóng miềng trám composite, lấy composite thừa sau trám, hoàn tất hình thể miềng trám kẽ giữa các răng - Chất liệu: Nhôm Oxide - Kích thước: đường kính khoảng 0.5 - 0.7 inch (tối thiểu phải có 0.5 inch và 0.7 inch) - Yêu cầu: thô 1 mặt, trung bình 2 mặt, mịn 1 mặt, cực mịn 2 mặt - Độ mịn: Cực mịn, mịn, trung bình, thô (phân biệt bằng 4 mã màu tương đương) - Quy cách đóng gói: ≥ 30 cái/gói - Trục tương thích "Tay khoan khuấy/thăng tốc độ chậm" tại hồ sơ mời thầu - Sử dụng 1 lần 1 cái	Gói	10
77	Dụng cụ banh môi má dùng trong chỉnh nha	Dụng cụ banh môi, má dùng trong chỉnh nha sử dụng banh, giữ môi má, mở rộng miệng trong quá trình chỉnh nha. - Chất liệu: Nhựa - Kích thước: size S, M, L - Quy cách đóng gói: ≥ 40 cái/hộp - Cấu tạo: Tay cầm hình phễu có khoảng mở co giãn tùy theo khuôn miệng, đầu banh miệng cong hình lòng máng, ôm trọn viền môi má, tránh trơn trượt và tổn thương môi má, niêm mạc	Hộp	1
78	Dụng cụ banh dùng trong phẫu thuật, thủ thuật hàm mặt	Dụng cụ banh dùng trong phẫu thuật, thủ thuật hàm mặt sử dụng banh, giữ môi má mở rộng trong quá trình phẫu thuật thủ thuật vùng hàm mặt - Chất liệu: Thép không gỉ và silicone - Kích thước: khoảng 15 - 20cm (có tối thiểu 2 cỡ: 15, 20cm) - Cấu tạo: Tay cầm gắn trực có răng cưa hoặc không, tạo khoảng mở cố định, đầu banh miệng cong hình phễu - Lực cần: $\leq 1400N$ (có tối thiểu cỡ 1400N) - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cây	15
79	Dụng cụ điều trị tủy lại D1, D2, D3	Dụng cụ điều trị tủy lại D1, D2, D3 dùng trong điều trị tủy trong các trường hợp đã điều trị tủy thất bại - Chất liệu: Niken - Titan - Chiều dài: Loại D1 (9%, 16mm), Loại D2 (8%, 18mm), Loại D3 (7%, 22mm) - Quy cách đóng gói: ≥ 6 cái/hộp - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Hộp	18
80	Dụng cụ điều trị tủy lại dùng để lấy côn	Dụng cụ điều trị tủy lại dùng để lấy côn, tạo hình ống tủy trong các trường hợp đã điều trị tủy thất bại - Chất liệu: hợp kim niti và thép không gỉ - Có tối thiểu các cỡ: + Loại 1S: Đường kính: 0.70mm, dài 16mm + Loại 2S: Đường kính: 0.50mm, dài 18mm + Loại 3N: Đường kính: 0.40mm, dài 21mm + Loại 4N: Đường kính: 0.30mm, dài 21mm - Quy cách đóng gói: ≥ 4 cái/hộp - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Hộp	112
81	Dụng cụ giúp kẹp giữ kim khâu trong quá trình phẫu thuật, thủ thuật vùng hàm mặt	Dụng cụ giúp kẹp giữ kim khâu trong quá trình phẫu thuật, thủ thuật vùng hàm mặt - Chất liệu: Thép không gỉ - Kích thước: $\geq 134mm$ (có tối thiểu cỡ 134mm) - Cấu tạo: đầu kẹp thẳng, đầu bo tròn, có rãnh khía giúp giữ chắc kim khâu không trơn trượt - Tương thích với kim khâu có đường kính khoảng 0.38 - 0.63mm - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cái	33
82	Dụng cụ hỗ trợ trong chỉnh hình hàm mặt (face mask)	Dụng cụ hỗ trợ trong chỉnh hình hàm mặt - Chất liệu: + Trục chính: bằng thép không gỉ + Hai giá đỡ: bằng nhựa cứng + Xà ngang: bằng thép không gỉ bọc ngoài nhựa cứng - Cấu tạo: 01 bộ hình yên ngựa bao gồm trục chính giữa có độ dài tương ứng chiều dài khung mặt người bệnh; trục chính có vít chịu nhiệt; hai giá đỡ có lỗ thoát hơi cho vùng trán và cằm với miếng dán bám dính chống khuẩn, giá đỡ cằm được thiết kế cong 3D; xà ngang giữ cân đối trên khuôn mặt.	Cái	18
83	Dụng cụ lấy dấu trụ chân răng nhân tạo các cỡ	Dụng cụ lấy dấu trụ chân răng nhân tạo, các cỡ dùng sao chép vị trí cấy ghép từ trong miệng ra ngoài, cho quy trình phục hình mão răng. - Chất liệu: Hợp kim Titanium - Đường kính có tối thiểu cỡ 3.0, 3.5, 3.75, 4.3, 5.0, 5.5mm. Khay mở với chiều dài: 10mm, 14mm. Khay đóng với chiều dài: 9mm, 13mm - Cấu tạo: Kết nối hình nón lục giác - Tiết khuẩn - Hỗ trợ đặt máy implant, bộ kit (dụng cụ, mũi khoan), kỹ thuật viên khi Bệnh viện yêu cầu - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	29

Đoan Quan

STT	Tên vật tư	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng
84	Dụng cụ lấy vôi răng trên và dưới nướu dùng trong điều trị nha chu viêm	Dụng cụ lấy vôi răng trên và dưới nướu dùng trong điều trị nha chu viêm bằng sóng siêu âm với nhiều cường độ khác nhau - Chất liệu: Thép không gỉ Titanium - Cấu tạo: + Cán (tay cầm) kết nối tay máy của máy lấy vôi + Thân có chiều dài khoảng 10 - 20cm + Đầu lấy vôi kết nối đường dẫn nước. Hình dạng đầu lấy vôi nhiều hình dạng: cong, thẳng, đẹp, nhọn hoặc tù phù hợp cho lấy vôi trên và dưới nướu - Tương thích máy lấy vôi - Quy cách đóng gói: 1 cái/hộp - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Hộp	82
85	Dụng cụ nạy chân răng các loại	Dụng cụ nạy chân răng các loại dùng để lấy chân răng trong các thủ thuật, phẫu thuật nhổ răng - Chất liệu: Thép không gỉ - Kích thước: dài khoảng 10 - 15cm - Cấu tạo: bao gồm tay cầm và đầu nạy + Tay cầm hình trụ trơn một đầu, bề mặt nhám + Đầu nạy nhiều hình dạng: lòng máng, nhọn, đặc, lưỡi hái - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cây	61
86	Dụng cụ nội nha tạo hình và vệ sinh ống tủy lớn mặt cắt hình vuông, hình tam giác	Dụng cụ nội nha giúp tạo hình và vệ sinh ống tủy lớn - Chất liệu: Thép không gỉ - Cấu tạo: + Mặt cắt hình vuông, hình tam giác, nhiều gai sắc bén + Cạnh cắt sắc và bề mặt phẳng mịn + Lưỡi cắt mỏng kết hợp với động tác xoay và giữa theo hướng chớp ống tủy - Kích cỡ: + Mặt cắt hình vuông: từ số 6 đến số 40 + Mặt cắt hình tam giác: từ số 45 đến số 140 - Chiều dài: + Khoảng 18 - 31mm (có tối thiểu 5 cỡ: 18, 21, 25, 28, 31mm) + Nút chặn silicon - Độ trơn: $\geq 2\%$ - Góc xoay khi làm việc 120 độ - Quy cách đóng gói: ≥ 6 cái/hộp - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Hộp	50
87	Dụng cụ nội nha dùng để tạo hình và vệ sinh ống tủy nhỏ, hẹp, tắc, mặt cắt tam giác	Dụng cụ nội nha dùng để tạo hình và vệ sinh ống tủy nhỏ, hẹp, tắc dùng nong bằng tay - Chất liệu: thép không gỉ - Cấu tạo: + Mặt cắt hình tam giác, nhiều gai sắc bén + Cạnh cắt sắc và bề mặt phẳng mịn + Lưỡi cắt mỏng kết hợp với động tác xoay và giữa theo hướng chớp ống tủy - Kích cỡ: + Độ trơn: $\geq 2\%$ + Chiều dài: khoảng 18 - 31mm (có các cỡ 18, 21, 25, 28, 31mm). + Nút chặn silicon - Các cỡ: từ số 45 đến số 140 - Góc xoay khi làm việc 90 độ - Quy cách đóng gói: 6 cái/vi - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Vi	120
88	Dụng cụ nong giữa ống tủy bằng tay dùng lấy tủy chân và tủy buồng	Dụng cụ nong giữa ống tủy bằng tay dùng lấy tủy chân và tủy buồng - Chất liệu: thép không gỉ - Cấu tạo: mặt cắt hình giọt nước, nhiều gai, trơn - Kích cỡ: + Độ trơn: $\geq 2\%$ + Chiều dài các cỡ: khoảng 18 - 31mm (có các cỡ 18, 21, 25, 28, 31mm). + Nút chặn silicon - Các cỡ: khoảng số 08 - số 140 - Chiều làm việc thẳng đứng - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	908
89	Dụng cụ nong giữa ống tủy bằng tay, mặt cắt vuông	Dụng cụ nong giữa ống tủy bằng tay dùng để tạo hình và kết thúc tạo hình trong điều trị nội nha - Chất liệu: Niken titan - Cấu tạo: mặt cắt hình vuông, nhiều gai, trơn - Tay cầm bằng cao su mềm - Kích cỡ: + Chiều dài: khoảng 21 - 31mm (có tối thiểu 3 cỡ: 21mm, 25mm, 31mm) + Độ trơn biến đổi theo chiều dài tương đương loại SX, S1, S2, F1, F2, F3. - Quy cách đóng gói: ≥ 6 cái/vi - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Vi	72

STT	Tên vật tư	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng
90	Dụng cụ nong giữa ống tủy bằng máy, mặt cắt hình xoắn ốc, chiều dài khoảng 19 - 31mm	Dụng cụ nong giữa ống tủy dùng để làm sạch, nong dũa, tạo hình và kết thúc tạo hình ống tủy trong điều trị nội nha bằng máy - Chất liệu: thép không gỉ - Cấu tạo: Mặt cắt hình xoắn ốc, thuận, đảo - Kích cỡ: + Kích thước trầm giai đoạn tạo hình: cỡ SX, S1, S2 + Kích thước trầm giai đoạn kết thúc: - F1: Đường kính 20mm, độ thuận 7% - F2: Đường kính 25mm, độ thuận 8% - F3: Đường kính 30mm, độ thuận 9% - F4: Đường kính 40mm, độ thuận 6% - F5: Đường kính 50mm, độ thuận 5% + Chiều dài: khoảng 19 - 31mm (có tối thiểu 4 cỡ: 19, 21, 25, 31mm) - Quy cách đóng gói: ≥ 6 cái/vi - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	VI	73
91	Dung dịch sát trùng ống tủy	Dung dịch bơm rửa sát khuẩn ống tủy được sử dụng trong quá trình điều trị nội nha - Dạng nước hoặc gel - Thành phần: Citric Acid ($\geq 40\%$) - Trọng lượng: $\geq 200g$ - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Lọ	11
92	Giấy kiểm tra khớp cắn	Giấy cắn ghi lại tình trạng khớp cắn của các răng - Chất liệu: giấy, nhiều màu: xanh, đỏ - Độ dày: $> 100\mu m$ (tối thiểu có cỡ 101μm) - Yêu cầu: Các dấu cắn được ghi lại chính xác nhờ các chất chuyển màu trong giấy cắn được lưu giữ lại trên răng khi thử khớp - Quy cách: xấp tối thiểu 12 tờ - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Xấp	1.836
93	Hàm (máng, cung) duy trì sử dụng cho thủ thuật làm lại khi cụ duy trì kết quả	Hàm duy trì (khí cụ duy trì kết quả) có tác dụng đảm bảo sự ổn định tại vị trí mới của răng, tránh bị xô lệch và trở về vị trí ban đầu. - Chất liệu: Thép không gỉ, Nhựa biocyl - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh. - Hỗ trợ kỹ thuật viên khi bác sĩ yêu cầu có yêu cầu. - Yêu cầu khi sử dụng: không kích ứng niêm mạc miệng, dễ dàng chỉnh sửa theo nhu cầu điều trị. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	2
94	Hàm giả 3D trong phẫu thuật chỉnh hình hàm mặt	Hàm giả 3D trong phẫu thuật chỉnh hình hàm mặt là mẫu hàm giả tương ứng phiên bản từ khuôn hàm người bệnh được thiết kế từ kết quả phim chụp cắt lớp vùng hàm mặt. - Cấu tạo: Đúc liền 1 khối, khối hàm trên hoặc khối hàm dưới, hoặc cả 2 hàm. - Chất liệu: Nhựa Acrylic. - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh được in ra từ phim chụp cắt lớp phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ. - Hỗ trợ kỹ thuật viên khi Bác Sĩ có yêu cầu. - Yêu cầu khi sử dụng: chính xác, dễ dàng chỉnh sửa theo nhu cầu điều trị. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cái	20
95	Hàm khung kim loại	Hàm khung kim loại là hàm khung tháo lắp, dùng cho người bệnh mất răng riêng lẻ được dùng giống như một giá đỡ kết nối các răng mất với nhau tạo thành hệ thống răng giả tháo lắp. - Cấu tạo: Nền hàm với các móc tựa lên trên mặt nhai của răng thật và vòng cung bằng kim loại. - Chất liệu: Hợp kim Chrome - Cobalt. - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	39
96	Hàm khung liên kết	Hàm khung liên kết là hàm khung tháo lắp, dùng cho người bệnh mất quá nhiều răng, được dùng giống như một giá đỡ kết nối các răng mất với nhau tạo thành hệ thống răng giả tháo lắp. - Cấu tạo: Nền hàm với các móc tựa lên trên mặt nhai của răng thật và vòng cung. - Chất liệu: Titanium, Chrome Cobalt. - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	10

Lozano

STT	Tên vật tư	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng
97	Thân trụ răng cấy ghép cho nhiều đơn vị kết nối lực góc dạng nghiêng 17° và 30°	Thân trụ răng cấy ghép cho nhiều đơn vị kết nối lực góc dạng nghiêng 17° và 30° dùng trong những trường hợp phục hình răng nhiều đơn vị hướng nghiêng 17° và 30°, phục hình bất vít. - Chất liệu: Hợp kim Titanium - Kích thước: đường kính có tối thiểu các cỡ 3.5, 4.3, 5.0, 5.5mm, Chiều cao nướu có tối thiểu các cỡ 1.5, 2.5, 3.5 4.5mm - Cấu tạo: bất vít phục hình dạng nghiêng 17° và 30°, kết nối hình nón lực góc - Yêu cầu kỹ thuật: Có mã màu hệ thống dễ dàng sử dụng, có thể xoay vòng tròn, dễ dàng gắn phục hình. - Tiệt khuẩn - Hỗ trợ đặt máy implant, bộ kit (dụng cụ, mũi khoan), kỹ thuật viên khi Bệnh viện yêu cầu - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	67
98	Hàm khung titan	Hàm khung titan là hàm khung tháo lắp, dùng cho người bệnh mất răng riêng lẻ, được dùng giống như một giá đỡ kết nối các răng mất với nhau tạo thành hệ thống răng giả tháo lắp. - Cấu tạo: Nền hàm với các móc tựa lên trên mặt nhai của răng thật và vòng cung. - Chất liệu: Titan (trong đó Titanium chứa 4-6%). - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	7
99	Hàm nhựa dẻo, loại 1/2 hàm (hàm trên hoặc hàm dưới)	Hàm nhựa dẻo giúp nâng đỡ răng giả được làm bằng sứ hoặc răng nhựa trong trường hợp bị mất 1 răng, mất nhiều răng, mất răng xen kẽ hoặc toàn bộ răng bị mất trên cung hàm. - Cấu tạo: Gồm Nướu và Răng giả được ép cố định tạo nên một thể thống nhất. - Chất liệu: Nhựa dẻo valplast hoặc tương đương - Phạm vi: 1/2 hàm (hàm trên hoặc hàm dưới) - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh. - Yêu cầu khi sử dụng: Vừa khít với răng mất trên miệng người bệnh, tạo cảm giác thoải mái, không vướng, không cộm, không gây tổn thương nướu và niêm mạc miệng. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	3
100	Hàm nhựa dẻo, toàn hàm	Hàm nhựa dẻo giúp nâng đỡ răng giả được làm bằng sứ hoặc răng nhựa trong trường hợp bị mất 1 răng, mất nhiều răng, mất răng xen kẽ hoặc toàn bộ răng bị mất trên cung hàm. - Cấu tạo: Gồm Nướu và Răng giả được ép cố định tạo nên một thể thống nhất. - Chất liệu: Nhựa dẻo valplast hoặc tương đương. - Phạm vi: Toàn hàm (cả hàm trên hoặc hàm dưới) - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh, lắp thiết kế lên hàm phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ. - Yêu cầu khi sử dụng: vừa khít với răng mất trên miệng người bệnh, tạo cảm giác thoải mái, không vướng, không cộm, không gây tổn thương nướu và niêm mạc miệng. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	5
101	Hộp đựng máng nha khoa	Hộp đựng máng nha khoa, hàm duy trì, khay tẩy trắng - Chất liệu: nhựa - Hình dạng: hình bán nguyệt - Kích thước: nhiều kích cỡ phù hợp cho loại 1 hàm hoặc 2 hàm: (dài x rộng x cao): (75 - 80) x 70 x (25 - 30)mm; 85 x 80 x 30mm; 85 x (80 - 83) x (25 - 30)mm;	Cái	229
102	Kèm cắt dây cứng trong chỉnh nha	Kèm cắt dây cứng trong thủ thuật, phẫu thuật chỉnh nha - Chất liệu: thép không gỉ, chống chói. - Chiều dài: $\geq 125\text{mm}$ - Góc gấp: $45 \pm 5^\circ$ - Cấu tạo: đầu cắt tù hình bán nguyệt, lưỡi cắt sắc bén, cắt dây chỉnh nha loại cứng có đường kính $0.41 \times 0.55\text{mm}$ (0.016" x 0.021") - Yêu cầu: giữ dây khi cắt. - Chui cắm mạ vàng. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cây	5
103	Kèm cắt dây mảnh trong chỉnh nha	Kèm cắt dây mảnh trong thủ thuật, phẫu thuật chỉnh nha - Chất liệu: thép không gỉ - Chiều dài: $\geq 120\text{mm}$ (có tối thiểu cỡ 120mm) - Cấu tạo: Đầu thẳng nhọn, lưỡi sắc bén, có thể cắt dây có đường kính khoảng 0.30mm (0,012") đến 0.35mm (0.014") (có tối thiểu 2 cỡ: 0.30mm và 0.35mm) - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cây	8

STT	Tên vật tư	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng
104	Kèm cắt xương nha khoa	Kèm cắt xương nha khoa giúp lấy bớt phần xương dư, làm nhẵn các gờ xương trong quá trình phẫu thuật, thủ thuật vùng hàm mặt như tạo hình xương ổ, tạo hình xương hàm, lấy mô mềm lớn - Chất liệu: Thép không gỉ - Kích thước: khoảng 150mm - 152mm (có tối thiểu 2 cỡ: 150mm; 152mm) - Đầu kèm cong: 90 độ - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cây	10
105	Kèm đa năng nha khoa	Kèm đa năng dùng trong chỉnh nha (niềng răng) - Chất liệu: Thép không gỉ - Chiều dài: khoảng 133 - 140mm (có tối thiểu 2 cỡ: 133; 140mm) - Khoảng cách giữa hai tay cầm: khoảng 48 - 50mm (có tối thiểu 2 cỡ: 48 và 50mm) - Đầu kèm có hình dạng: nhọn (chiều ngang $\leq 0.25\text{mm}$) (có tối thiểu cỡ 0.25mm), tròn (đường kính $\geq 3\text{mm}$) (có tối thiểu cỡ 3mm). - Ốc vít gắn hai tay kèm có đường kính khoảng 10 - 11.5mm (có tối thiểu 2 cỡ: 10 và 11.5mm) - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cây	7
106	Kèm nhổ răng các loại	Kèm nhổ răng các loại dùng nhổ nhỏ răng, chân răng hư, phần xương dư, trong các phẫu thuật thủ thuật nhổ răng - Chất liệu: Thép không gỉ - Kích thước: dài khoảng 200 - 250mm (có tối thiểu 3 cỡ: 200; 230; 250mm) - Đầu kèm tròn, nhọn, cong với nhiều hình dạng phù hợp với chỉ định nhổ từng loại răng khác nhau - Tay cầm bề mặt nhám hình thoi. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cây	16
107	Kèm tháo khâu trong chỉnh nha	Kèm tháo khâu dùng tháo khâu răng ra khỏi răng trong các thủ thuật chỉnh nha - Chất liệu: Thép không gỉ - Chiều dài: khoảng 133 - 140mm (có tối thiểu 2 cỡ: 133, 140mm) - Khoảng cách giữa hai tay cầm: khoảng 48 - 50mm (có tối thiểu 2 cỡ: 48mm, 50mm) - Ốc vít gắn hai tay kèm có đường kính khoảng 10 - 11.5mm (có tối thiểu 2 cỡ: 10mm, 11.5mm) - Đầu kèm có gờ cạnh giữ và kéo khâu, có miếng đệm rìa cần tạo lực đẩy khâu răng rời khỏi răng - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cây	5
108	Kéo cắt phẫu thuật cong, thẳng các cỡ	Kéo cắt phẫu thuật cong, thẳng các cỡ dùng phẫu thuật thủ thuật vùng hàm mặt - Chất liệu: Thép không gỉ - Kích thước: khoảng 80 - 150mm (có tối thiểu 5 cỡ: 80, 100, 110, 120, 150mm) - Đầu nhọn, mảnh - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cây	62
109	Keo quang trùng hợp trám Composite	Keo quang trùng hợp trám Composite là chất kết dính cho ngà và men răng giúp vật liệu trám có thể thẩm xuyên qua các sợi collagen và ống ngà, đồng thời giữa ẩm bề mặt ngà răng - Sử dụng trên cả bề mặt khô hoặc ẩm ướt - Thành phần: Glycero Phosphate Di Methacrylate và hệ thống dung môi 3 thành phần (Water - Acetone - Ethanol) - Dạng gel lỏng, màu trong, không mùi, có khả năng hòa tan - Thể tích: $\geq 5\text{ml}$ - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Hộp	77
110	Tay khoan tốc độ nhanh 4 lỗ, không đèn	Tay khoan tốc độ nhanh 4 lỗ, không đèn dùng để gắn mũi khoan các loại trong các thủ thuật, phẫu thuật nha khoa - Chất liệu: Thép - Kích thước: đường kính đầu tay khoan $\geq 12\text{mm}$ (có tối thiểu cỡ 12mm) - Cấu tạo: Đầu tiếp xúc với dây hơi của máy nha khoa cấu tạo 04 lỗ, có màn lọc nước. Một tia phun sương. Không đèn. Loại bi sứ. Hệ thống ngàm bấm giúp thay mũi khoan đơn giản, nhanh chóng. - Có bộ phận chống hút ngược được tích hợp. - Tốc độ nhanh tối đa 330.000 vòng/phút - Chiều dài làm việc tối đa 25mm - Công suất: tối đa 18W - Đầu tay khoan vệ sinh chống hút ngược - Lọc nước đầu vào tay khoan hạn chế nghẹt nước - Độ ồn: 62dB (A) - Tương thích "Mũi khoan kim cương dùng trong mài cùi răng, trám răng nội nha, các cỡ" tại hồ sơ mời thầu - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	52
111	Khâu răng các cỡ trong chỉnh nha	Khâu răng các cỡ là vật liệu cố định dùng để nắn, chỉnh, giữ, kéo các răng được sử dụng trong chỉnh nha. - Chất liệu: Thép không gỉ - Kích thước: phù hợp với mỗi loại răng - Cấu tạo: Mặt trong có khắc vân lưới - Có chốt để kết nối với dây cung chỉnh nha các loại - Trên khâu có khắc ký hiệu chữ và số tương đương thứ tự răng trên cung hàm - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	447

Loaquaun

STT	Tên vật tư	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng
112	Khay cá nhân	Khay cá nhân hỗ trợ lấy dấu chính xác nhất đối với nền hàm giả. - Chất liệu: Nhựa tự cứng, nhựa quang trùng hợp. - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ. - Yêu cầu khi sử dụng: phải vừa khít với hàm được lấy dấu trên miệng người bệnh. - Đóng gói: 1 cái/gói - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	31
113	Khay lấy dấu các cỡ	Khay lấy dấu dùng trong kỹ thuật lấy dấu từ miệng người bệnh trong phục hình răng, nghiên cứu, chỉnh hình hàm mặt - Chất liệu: thép không gỉ - Kích thước: cỡ XXS (44x56mm), XS (52x65mm), S (52x70mm), M (56x73mm), L (58x76mm), XL (60x78mm) tương ứng cho hàm trên và hàm dưới - Khay hình yên ngựa, đục nhiều lỗ - Tay cầm: dài khoảng 3 - 4cm - Yêu cầu: hình thể đa dạng cho các tình trạng răng còn lại trên cung hàm: lấy dấu một phần răng, lấy dấu cho mất răng toàn bộ, cho răng trẻ em.	Cái	213
114	Mũi khoan dùng trong điều trị nội nha	Mũi khoan dùng trong điều trị nội nha dùng để lấy mùn ngà và mở đường vào ống tủy trong điều trị nội nha - Chất liệu: thép không gỉ - Cấu tạo: + Thân mũi khoan hình xoắn ốc + Đầu mũi khoan tròn, không sắc bén giúp ngăn ngừa thủng sàn tủy - Chiều dài cả mũi khoan: khoảng 21 - 23mm - Chiều dài làm việc: khoảng 9 - 11mm - Tốc độ làm việc tối đa 150.000 vòng/ phút - Quy cách đóng gói: ≥ 10 cái/hộp - Tương thích "Tay khoan tốc độ nhanh 4 lỗ" tại hồ sơ mời thầu	Hộp	26
115	Khí cụ chỉnh hình tháo lắp phức tạp, 2 hàm, đưa hàm dưới ra trước	Khí cụ chỉnh nha sử dụng cho thủ thuật chỉnh hình tháo lắp phức tạp, 2 hàm, tác động đưa hàm dưới ra trước nhằm kéo dài xương hàm dưới. - Cấu tạo: Đúc liền 1 khối, khối hàm trên và khối hàm dưới liền nhau, tương thích với mẫu hàm lấy từ miệng người bệnh - Chất liệu: Nhựa Acrylic - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ. - Hỗ trợ kỹ thuật viên khi Bệnh viện có yêu cầu. - Yêu cầu khi sử dụng: Không kích ứng trong môi trường miệng, dễ dàng chỉnh sửa theo nhu cầu điều trị. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	3
116	Khí cụ chỉnh hình tháo lắp phức tạp, 2 hàm, đưa hàm dưới ra sau	Khí cụ sử dụng trong thủ thuật chỉnh hình tháo lắp phức tạp, 2 hàm tác động đưa hàm dưới ra sau điều trị các trường hợp nhô hàm dưới. - Chất liệu: Nhựa acrylic - Cấu tạo: đúc liền 1 khối, tương thích với mẫu hàm lấy từ miệng người bệnh - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh. - Hỗ trợ kỹ thuật viên khi Bệnh viện có yêu cầu. - Yêu cầu khi sử dụng: Không kích ứng trong môi trường miệng, dễ dàng chỉnh sửa theo nhu cầu điều trị. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	3
117	Khí cụ cố định mở rộng cung hàm (4 lò xo)	Khí cụ cố định dùng trong chỉnh nha, có tác dụng kích thích sự phát triển của cung hàm (4 lò xo), điều chỉnh cung hàm phát triển sao cho cân đối với tổng thể khuôn mặt người bệnh. - Cấu tạo: Gồm một khối gắn cố định vào mặt trong răng hàm trên. - Chất liệu: Thép không gỉ. - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ. - Hỗ trợ kỹ thuật viên phối hợp với Bác sĩ để hoàn thiện sản phẩm. - Yêu cầu khi sử dụng: Không kích ứng niêm mạc miệng, dễ chỉnh sửa theo mỗi khuôn hàm theo nhu cầu điều trị. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	16
118	Khí cụ chỉnh nha nắn chỉnh răng cắn ngược, móm (2 cung môi và cung khẩu cái)	Khí cụ nắn chỉnh răng cắn ngược, móm (2 cung môi và cung khẩu cái) dùng trong nắn chỉnh trong các trường hợp răng cắn ngược, móm. - Cấu tạo: Gồm một khối gắn cố định vào hàm trên. - Chất liệu: Nhựa Acrylic, Thép không gỉ - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ. - Hỗ trợ kỹ thuật viên phối hợp với Bác sĩ có yêu cầu. - Yêu cầu khi sử dụng: Không kích ứng trong môi trường miệng, dễ dàng chỉnh sửa theo nhu cầu điều trị. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	7
119	Khí cụ chỉnh nha lò xo hoặc móc sử dụng cho thủ thuật chỉnh hình tháo lắp phức tạp, 1 hàm	Khí cụ chỉnh nha lò xo hoặc móc sử dụng cho thủ thuật chỉnh hình tháo lắp phức tạp, 1 hàm dùng trong trường hợp răng khôn bị nhô, giúp duy trì và tránh tái phát khe hở giữa các răng còn lại do nhổ răng. - Chất liệu: * Móc hàm: Thép không gỉ * Cung môi: Nhựa tích hợp. - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của Bác sĩ. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	61

STT	Tên vật tư	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng
120	Khí cụ nong nhanh tạo khoảng cho cung răng	Khí cụ nong nhanh tạo khoảng cho cung răng là một khí cụ nong cố định hoặc tháo lắp, dùng để nong xương khẩu cái và nong răng tạo thêm khoảng cho cung răng. - Chất liệu: Thép không gỉ - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ. - Hỗ trợ kỹ thuật khi bác sĩ có yêu cầu - Yêu cầu khi sử dụng: Các bộ phận ren hoàn toàn trơn nhẵn, cứng chắc, ma sát tốt và ngăn cản bất cứ sự quay ngược lại không mong muốn nào của hàm, không kích ứng trong môi trường miệng, dễ dàng chỉnh sửa theo nhu cầu điều trị. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	15
121	Khí cụ chỉnh hình tháo lắp phức tạp, 2 hàm	Khí cụ chỉnh hình tháo lắp phức tạp, 2 hàm, tác động đưa hàm dưới ra trước điều trị các trường hợp lùi cằm - Cấu tạo: Đúc rời 2 khối, khối hàm trên tách rời khối hàm dưới. - Chất liệu: Nhựa Acrylic - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ. - Hỗ trợ kỹ thuật viên khi bác sĩ có yêu cầu. - Yêu cầu khi sử dụng: không kích ứng trong môi trường miệng, dễ dàng chỉnh sửa theo nhu cầu điều trị. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	7
122	Khung sườn titan nguyên khối có cùi răng trên 1 trụ implant (cắt bằng máy)	Khung sườn titan cad/cam có cùi răng trên 1 trụ implant tiếp theo có công dụng kết nối và chịu lực như một giá đỡ tiếp nối giữa vật liệu cấy ghép implant và phục hình răng bên trên. - Cấu tạo: Được đúc tiếp nối với khung sườn Hybrid Titanium cad/cam trên 1 trụ Implant tiếp theo. - Chất liệu: Titanium nguyên khối. - Kích thước: Chiều dài tùy theo mẫu lấy dấu từ miệng người bệnh, phù hợp với vị trí và kích thước răng của người bệnh. - Hỗ trợ kỹ thuật khi Bác Sĩ có yêu cầu - Yêu cầu khi sử dụng: Không gây kích ứng trong môi trường miệng, dễ dàng điều chỉnh theo nhu cầu điều trị. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cái	10
123	Răng sứ titan	Răng sứ Titan dùng để thay thế cho răng thật hoặc phục hình răng hư tổn và thực hiện chức năng ăn nhai. - Cấu tạo: Gồm khung sườn và lớp sứ thẩm mỹ phủ bên ngoài. - Chất liệu: + Khung sườn: Hợp kim Crome - Cobalt - Titan (trong đó có khoảng 4 - 6% Titanium). + Lớp sứ thẩm mỹ phủ ngoài: Bột sứ E-max, Noritake. - Kích thước: theo yêu cầu của Bác sĩ phù hợp với kích thước và vị trí răng của người bệnh (tất cả các loại răng). - Bảo hành tối thiểu 05 năm. - Hỗ trợ kỹ thuật viên khi Bác Sĩ có yêu cầu. - Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: màu răng phải đúng theo bảng so màu Bác sĩ đã lấy trên người bệnh, tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	370
124	Kim gây tê nha khoa 27G	Kim gây tê nha khoa loại 27G, 30G - Mũi kim 2 diện cắt, có hình dạng tam giác nhọn, sắc bén - Đầu kim vát nhọn, bén, phù hợp vùng gây tê, mềm, dễ uốn cong - Nhiều size: Mỗi size có màu khác nhau để dễ dàng phân biệt - Chiều dài có tối thiểu các cỡ: 12, 16, 21, 25, 30, 35, 38mm - Đường kính: loại 27G > 0.4mm, loại 30G > 0.3mm - Quy cách đóng gói: 100 cái/hộp - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Hộp	53
125	Lò xo kéo răng để đóng khoảng trống trên cung hàm, các cỡ	Lò xo kéo răng để đóng khoảng trống trên cung hàm giữa các răng trong nắn chỉnh răng - Chất liệu: Niken titan - Chiều dài các cỡ: khoảng 9 - 12mm (có tối thiểu 2 cỡ: 9, 12mm) - Lực kéo: khoảng 75 - 250g (có tối thiểu 4 cỡ: 75; 150; 200; 250g) - Cấu tạo: hai đầu hình tròn đẹp, một đầu to, một đầu nhỏ, lò xo nằm giữa - Tương thích "Dây thép buộc chỉnh nha" tại hồ sơ mời thầu	Cái	49
126	Lò xo kéo răng để tạo khoảng trống trên cung hàm, các cỡ	Lò xo kéo răng các cỡ tạo khoảng trống trên cung hàm, sắp đều các răng trong thủ thuật chỉnh nha - Chất liệu: Niken titan - Kích thước khi mở $\geq 15\text{mm}$ (có tối thiểu cỡ 15mm) - Khi lò xo đặt trên dây cung và nén ở giữa các mắc cài đạt đến kích thước: $\leq 3\text{mm}$ (có tối thiểu cỡ 3mm) - Đường kính trong: $\geq 0.035\text{ inch}$ (có tối thiểu cỡ 0.035 inch) - Lực nén khoảng 100 - 200gm (tối thiểu 3 mức 100, 150, 200gm) - Cấu tạo: Hai đầu hình tròn đẹp, một đầu to, một đầu nhỏ, lò xo nằm giữa - Tương thích "Dây thép buộc chỉnh nha" tại hồ sơ mời thầu	Sợi	45

Loanmen

STT	Tên vật tư	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng
127	Lưới hàm giả	Lưới hàm Nằm bên trong hàm giả tháo lắp, tăng cường độ cứng, bền của hàm, hạn chế gãy. - Chất liệu: Thép không gỉ. - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ. - Hỗ trợ kỹ thuật viên khi Bác sĩ có yêu cầu. - Yêu cầu khi sử dụng: Phải nằm ăn hoàn toàn trong nền hàm, không ảnh hưởng trong quá trình điều chỉnh khớp cắn của hàm giả, không gây kích ứng trong miệng. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	8
128	Mắc cài đơn	Mắc cài đơn liên kết giữa hàm khung và răng giả trên khung, tạo sự cố định, bền chắc của hàm răng giả - Chất liệu: kim loại không gỉ - Sắp xếp đơn lẻ, phù hợp hình thể của mỗi răng - Cấu tạo: + Có chỉ thị màu phân biệt từng mắc cài và có đánh số tương đương với vị trí từng răng + Mặt lưng có rãnh lưới, cạnh bo tròn + Trên mắc cài có các đường giữa, có cánh sâu để buộc thun hoặc cột dây - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh - Tương thích với các dây cung, dây thun các cỡ - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	23
129	Mắc cài kim loại dành cho răng nanh và răng hàm	Mắc cài kim loại dùng nắn chỉnh răng, dành cho răng nanh và răng hàm. - Ký hiệu từng răng được mã hóa bằng số la mã, đánh dấu màu phân biệt vị trí mỗi mắc cài trên bộ mắc cài - Chất liệu: kim loại không gỉ - Cấu tạo: Có đường khóa dọc trên mỗi mắc cài, hỗ trợ cho việc đặt để khung chính xác, chống ăn mòn. - Mặt lưng có rãnh lưới ≥ 100 mesh (có tối thiểu cỡ 100 mesh), cạnh bo tròn - Quy cách đóng gói: ≥ 20 cái/bộ - Tương thích với các dây cung, dây thun các loại - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	31
130	Răng nhựa Composite 3 lớp	Răng nhựa dành riêng cho phục hình tháo lắp, khôi phục hàm răng cho người cao tuổi hoặc trường hợp mất từ 1 răng trở lên hoặc mất răng toàn hàm - Chất liệu: Nhựa Composite 3 lớp - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ. - Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: Màu răng phải đúng theo bảng so màu Bác sĩ đã lấy trên người bệnh, tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	1.867
131	Mắc cài kim loại tự buộc	Mắc cài kim loại tự buộc là vật liệu nắn chỉnh răng, dành cho thủ thuật chỉnh nha (dành cho khớp cắn lệch lệch thông thường) - Chất liệu: thép không gỉ, clip khóa chất liệu Hợp kim Niken - titanium - Cấu tạo: dạng cánh có hình thoi, hệ thống mã màu để phân biệt từng vùng hàm, bề mặt cong mượt - Độ sâu rãnh mắc cài ≥ 0.0275 inch - Hàm trên: Mắc cài răng cửa: Mô-men xoắn khoảng $+17 - 18^\circ$. Mắc cài răng cửa bên: Mô-men xoắn khoảng $+10 - 11^\circ$. Mắc cài răng nanh: Mô-men xoắn khoảng $0 - 1^\circ$ - Quy cách đóng gói: ≥ 20 cái/bộ - Tương thích với các dây cung, dây thun các loại - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	93
132	Khung sườn titan nguyên khối có cùi răng trên 4 trụ implant (cắt bằng máy)	Khung sườn Titan cad/cam có cùi răng trên 4 trụ implant có công dụng kết nối và chịu lực như một giá đỡ tiếp nối giữa vật liệu cấy ghép implant và phục hình răng bên trên. - Cấu tạo: Được đúc tiếp nối với khung sườn Hybrid Pure Titanium Cad/Cam trên 4 trụ Implant. - Chất liệu: Titanium nguyên khối. - Kích thước: Chiều dài tùy theo mẫu lấy dấu từ miệng người bệnh, phù hợp với vị trí và kích thước răng của người bệnh. - Hỗ trợ kỹ thuật khi Bác Sĩ có yêu cầu - Yêu cầu khi sử dụng: Không gây kích ứng trong môi trường miệng; dễ dàng điều chỉnh theo nhu cầu điều trị - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cái	7
133	Màng bao phủ cấy ghép tái tạo xương hư tổn, 15 x 20mm	Màng bao phủ cấy ghép tái tạo xương hư tổn dùng trong thủ thuật cấy ghép implant (chân răng nhân tạo) - Chất liệu: Collagen - Kích thước: 15 x 20mm - Kích thước lỗ: $< 0.01\mu\text{m}$ - Lực kéo căng: 285 ± 75 gam - Thời gian tiêu chậm nhất 6 tháng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	72
134	Màng bao phủ cấy ghép tái tạo xương hư tổn, 20 x 30mm	Màng bao phủ cấy ghép tái tạo xương hư tổn dùng trong thủ thuật cấy ghép implant (chân răng nhân tạo) - Chất liệu: Collagen - Kích thước: 20 x 30mm - Kích thước lỗ: $< 0.01\mu\text{m}$ - Lực kéo căng: 285 ± 75 gam - Thời gian tiêu chậm nhất được 6 tháng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	8

STT	Tên vật tư	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng
135	Màng bao phủ cấy ghép tái tạo xương hư tổn, 30 x 40mm	Màng bao phủ cấy ghép tái tạo xương hư tổn dùng trong thủ thuật cấy ghép implant (chân răng nhân tạo) - Chất liệu: Collagen - Kích thước: 30 x 40mm - Kích thước lỗ < 0.01µm - Lực kéo căng: 285 ± 75 gam - Thời gian tiêu chậm nhất được 6 tháng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	11
136	Màng chỉnh nha mức độ dễ, 1 hàm	Màng chỉnh nha mức độ dễ, 1 hàm dùng sắp xếp, dịch chuyển răng mọc chen chúc < 3mm, thưa kẽ < 3mm, răng lệch lạc về vị trí đã được tính toán tự động bằng kế hoạch được thiết lập trên hệ thống chụp hình 3D, không thay đổi với tương quan khớp cắn. - Chất liệu: nhựa tổng hợp trong suốt - Phạm vi thực hiện: 1 hàm - Kích thước: bề dày khoảng 0.5 - 0.7mm - Đóng gói: 15 khay/gói - Thời gian chỉnh nha: từ 9 đến 18 tháng - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Gói	1
137	Màng chỉnh nha mức độ dễ, 2 hàm	Màng chỉnh nha mức độ dễ, 2 hàm dùng sắp xếp, dịch chuyển răng mọc chen chúc < 3mm, thưa kẽ < 3mm, răng lệch lạc về vị trí đã được tính toán tự động bằng kế hoạch được thiết lập trên hệ thống chụp hình 3D, không thay đổi với tương quan khớp cắn - Phạm vi thực hiện: 2 hàm - Chất liệu: nhựa tổng hợp trong suốt - Kích thước: bề dày khoảng 0.5 - 0.7mm - Đóng gói 15 cặp khay/gói - Thời gian chỉnh nha: từ 9 đến 18 tháng - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Gói	1
138	Màng chỉnh nha mức độ đơn giản, 1 hàm	Màng chỉnh nha mức độ đơn giản, 1 hàm dùng sắp xếp, dịch chuyển răng mọc chen chúc < 2mm, thưa kẽ < 2mm, răng lệch lạc về vị trí đã được tính toán tự động bằng kế hoạch được thiết lập trên hệ thống chụp hình 3D, không thay đổi với tương quan khớp cắn. - Chất liệu: nhựa tổng hợp trong suốt - Phạm vi thực hiện: 1 hàm - Kích thước: bề dày khoảng 0.5 - 0.7mm - Đóng gói: 8 khay/gói - Thời gian chỉnh nha: từ 6 đến 9 tháng - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Gói	1
139	Màng chỉnh nha mức độ đơn giản, 2 hàm	Màng chỉnh nha mức độ đơn giản, 2 hàm dùng sắp xếp, dịch chuyển răng mọc chen chúc < 2mm, thưa kẽ < 2mm, răng lệch lạc về vị trí đã được tính toán tự động bằng kế hoạch được thiết lập trên hệ thống chụp hình 3D, không thay đổi với tương quan khớp cắn - Chất liệu: nhựa tổng hợp trong suốt - Phạm vi thực hiện: 2 hàm - Kích thước: bề dày khoảng 0.5 - 0.7mm - Đóng gói 8 cặp khay/gói - Thời gian chỉnh nha: từ 6 đến 9 tháng - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Gói	1
140	Màng chỉnh nha mức độ khó, 1 hàm	Màng chỉnh nha mức độ khó, 1 hàm dùng sắp xếp, dịch chuyển răng mọc chen chúc > 5mm, thưa kẽ > 5mm, răng lệch lạc về vị trí đã được tính toán tự động bằng kế hoạch được thiết lập trên hệ thống chụp hình 3D, thay đổi tương quan khớp cắn < 2mm - Chất liệu: nhựa tổng hợp trong suốt - Phạm vi thực hiện: 1 hàm - Kích thước: bề dày khoảng 0.5 - 0.7mm - Đóng gói 50 khay/gói - Thời gian chỉnh nha: từ 2.5 đến 3 năm - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Gói	1
141	Màng chỉnh nha mức độ khó, 2 hàm	Màng chỉnh nha mức độ khó, 2 hàm dùng sắp xếp, dịch chuyển răng mọc chen chúc > 5mm, thưa kẽ > 5mm, răng lệch lạc về vị trí đã được tính toán tự động bằng kế hoạch được thiết lập trên hệ thống chụp hình 3D, có dịch chuyển đi xa hàm trên < 2mm - Phạm vi thực hiện: 2 hàm - Chất liệu: nhựa tổng hợp trong suốt - Kích thước: bề dày khoảng 0.5 - 0.7mm - Đóng gói 50 cặp khay/gói - Thời gian chỉnh nha: từ 2.5 đến 3 năm - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Gói	3
142	Màng chỉnh nha mức độ trung bình, 1 hàm	Màng chỉnh nha mức độ trung bình, 1 hàm dùng sắp xếp, dịch chuyển răng mọc chen chúc 3-5mm, thưa kẽ 3-5mm, răng lệch lạc về vị trí đã được tính toán tự động bằng kế hoạch được thiết lập trên hệ thống chụp hình 3D, thay đổi tương quan khớp cắn < 2mm - Chất liệu: nhựa tổng hợp trong suốt - Phạm vi thực hiện: 1 hàm - Kích thước: bề dày khoảng 0.5 - 0.7mm - Đóng gói: 30 khay/gói - Thời gian chỉnh nha: từ 1.5 đến 2 năm - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Gói	2

Loan Quen

STT	Tên vật tư	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng
143	Máng chỉnh nha mức độ trung bình, 2 hàm	Máng chỉnh nha mức độ trung bình, 2 hàm dùng sắp xếp, dịch chuyển răng mọc chen chúc 3-5mm, thưa kẽ 3-5mm, răng lệch lạc về vị trí đã được tính toán tự động bằng kế hoạch được thiết lập trên hệ thống chụp hình 3D, có dịch chuyển đi xa hàm trên < 2mm - Phạm vi thực hiện: 2 hàm - Chất liệu: nhựa tổng hợp trong suốt - Kích thước: bề dày khoảng 0.5 - 0.7mm - Đóng gói: 30 cặp khay/gói - Thời gian chỉnh nha: từ 1.5 đến 2 năm - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Gói	3
144	Máng duy trì kết quả sau chỉnh nha, 1 hàm, 1 khay	Máng duy trì kết quả sau chỉnh nha, 1 hàm giúp duy trì kết quả sắp xếp, dịch chuyển răng mọc chen chúc sau khi đã thực hiện chỉnh nha bằng máng trong suốt các loại - Phạm vi thực hiện: 1 hàm - Chất liệu: nhựa tổng hợp trong suốt - Kích thước: 1 ± 0.1mm - Số lần duy trì: 01 khay - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Gói	2
145	Máng duy trì kết quả sau chỉnh nha, 1 hàm, 3 khay	Máng duy trì kết quả sau chỉnh nha, 1 hàm giúp duy trì kết quả sắp xếp, dịch chuyển răng mọc chen chúc sau khi đã thực hiện chỉnh nha bằng máng trong suốt các loại - Phạm vi thực hiện: 1 hàm - Chất liệu: nhựa tổng hợp trong suốt - Kích thước: 1 ± 0.1mm - Số lần duy trì: 3 khay - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Gói	2
146	Máng duy trì kết quả sau chỉnh nha, 2 hàm, 3 cặp khay	Máng duy trì kết quả sau chỉnh nha, 2 hàm giúp duy trì kết quả sắp xếp, dịch chuyển răng mọc chen chúc sau khi đã thực hiện chỉnh nha bằng máng trong suốt các loại - Phạm vi thực hiện: 2 hàm - Chất liệu: nhựa tổng hợp trong suốt - Kích thước: 1 ± 0.1mm - 3 cặp khay - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Gói	2
147	Máng hướng dẫn phẫu thuật cấy ghép 1 chân răng riêng lẻ	Máng hướng dẫn phẫu thuật cấy ghép 1 chân răng đầu tiên dùng cho những trường hợp cấy ghép răng Implant bị mất nhiều răng liền kề hoặc trong các trường hợp phẫu thuật chỉnh hình hàm mặt, được thiết kế dạng 3D dựa trên phim chụp CT và dấu hàm của người bệnh. - Chất liệu: Nhựa Acrylic trong suốt. - Kích thước: Tùy theo mẫu dấu lấy từ miệng người bệnh, phù hợp với vị trí và kích thước răng của người bệnh - Hỗ trợ kỹ thuật khi Bác Sĩ có yêu cầu. - Yêu cầu khi sử dụng: Không gây kích ứng trong môi trường miệng; dễ dàng điều chỉnh theo nhu cầu điều trị. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	15
148	Máng hướng dẫn phẫu thuật cấy ghép 1 chân răng kế tiếp	Máng hướng dẫn phẫu thuật cấy ghép 1 chân răng kế tiếp dùng cho những trường hợp cấy ghép răng Implant bị mất nhiều răng liền kề hoặc trong các trường hợp phẫu thuật chỉnh hình hàm mặt, được thiết kế dạng 3D dựa trên phim chụp CT và dấu hàm của người bệnh. Áp dụng cho 1 chân răng kế tiếp. - Chất liệu: Nhựa Acrylic trong suốt. - Kích thước: Tùy theo mẫu dấu lấy từ miệng người bệnh, phù hợp với vị trí và kích thước răng của người bệnh - Hỗ trợ kỹ thuật khi Bác Sĩ có yêu cầu. - Yêu cầu khi sử dụng: Không gây kích ứng trong môi trường miệng; dễ dàng điều chỉnh theo nhu cầu điều trị. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	36
149	Máng hướng dẫn phẫu thuật gọt xương hàm	Máng hướng dẫn phẫu thuật gọt xương hàm dùng cho những trường hợp phẫu thuật chỉnh hình hàm mặt, được thiết kế dạng 3D dựa trên phim chụp CT và dấu hàm của người bệnh - Chất liệu: Nhựa Acrylic trong suốt - Kích thước: Tùy theo mẫu dấu lấy từ miệng người bệnh, phù hợp với vị trí và kích thước răng của người bệnh. - Hỗ trợ kỹ thuật khi Bác Sĩ có yêu cầu. - Yêu cầu khi sử dụng: Không gây kích ứng trong môi trường miệng; dễ dàng điều chỉnh theo nhu cầu điều trị. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	21
150	Máng nhai cứng điều trị loạn năng Khớp thái dương hàm	Máng nhai cứng điều trị loạn năng khớp thái dương hàm hỗ trợ cho người bệnh tránh tụt nghiêng răng. - Chất liệu: Nhựa Biocyl (loại cứng). - Độ dày của máng: Phụ thuộc vào chỉ định điều trị đối với mỗi tình trạng người bệnh - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ. - Hỗ trợ kỹ thuật viên phối hợp với Bác sĩ của Bệnh viện để hoàn thiện sản phẩm. - Yêu cầu khi sử dụng: vừa khít với hình thể tất cả răng trên miệng người bệnh, tạo cảm giác thoải mái, không vướng, không cộm, không gây tổn thương nướu và niêm mạc miệng. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	201

STT	Tên vật tư	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng
151	Máng nhai mềm điều trị loạn năng khớp thái dương hàm	Máng nhai mềm điều trị loạn năng khớp thái dương hàm hỗ trợ cho người bệnh tránh tật nghiêng răng. - Chất liệu: Nhựa Silicone (loại mềm) - Độ dày của máng: Phụ thuộc vào chỉ định điều trị đối với mỗi tình trạng bệnh. - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ. - Hỗ trợ kỹ thuật viên phối hợp với Bác sĩ của Bệnh viện để hoàn thiện sản phẩm - Yêu cầu khi sử dụng: vừa khít với hình thể tất cả răng trên miệng người bệnh, tạo cảm giác thoải mái, không vướng, không cộm, không gây tổn thương nướu và niêm mạc miệng. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	3
152	Máng tẩy nhựa cứng	Máng tẩy nhựa cứng chứa thuốc tẩy trắng răng. - Chất liệu: Nhựa Biocyl (loại cứng). - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ. - Hỗ trợ kỹ thuật viên phối hợp với Bác sĩ của Bệnh viện để hoàn thiện sản phẩm - Yêu cầu khi sử dụng: vừa khít với hình thể tất cả răng trên miệng người bệnh, tạo cảm giác thoải mái, không vướng, không cộm, không gây tổn thương nướu và niêm mạc miệng. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	41
153	Máng tẩy nhựa mềm	Máng tẩy nhựa mềm chứa thuốc tẩy trắng răng. - Cấu tạo: Máng nhựa trong suốt, được thiết kế tương thích với khuôn răng của từng người. - Chất liệu: Nhựa Silicone (loại mềm). - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ. - Hỗ trợ kỹ thuật viên phối hợp với Bác sĩ của Bệnh viện để hoàn thiện sản phẩm. - Yêu cầu khi sử dụng: vừa khít với hình thể tất cả răng trên miệng người bệnh, tạo cảm giác thoải mái, không vướng, không cộm, không gây tổn thương nướu và niêm mạc miệng. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	56
154	Mặt dán sứ	Mặt dán làm bằng lớp răng sứ mỏng có hình dáng và kích thước như răng thật được dán lên mặt trước của răng bằng một loại keo đặc biệt, trong trường hợp răng bị thưa, sứt mẻ, nhiễm màu. - Cấu tạo: Khung sườn có độ dày khoảng 0.25 - 0.5mm - Chất liệu: Lithium disilicate hoặc tương đương - Kích thước: Tùy theo kích thước răng của người bệnh, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ. - Hỗ trợ kỹ thuật viên phối hợp với Bác sĩ của Bệnh viện để hoàn thiện sản phẩm. - Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: Màu răng phải đúng theo bảng so màu Bác sĩ đã lấy trên người bệnh, tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng. - Bảo hành tối thiểu 10 năm. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	20
155	Mặt gương nha	Mặt gương nha - Chất liệu: Thép không gỉ - Cấu tạo: + Mặt gương: tròn, sáng, khó bám dính, đường kính $\geq 20\text{mm}$ + Cán gương: dài $\geq 2.5\text{cm}$, liền mặt gương. Một đầu gắn liền mặt gương, một đầu cấu tạo rãnh xoắn, phù hợp lắp ghép kết nối với tay gương nha khoa các loại.	Cái	880
156	Mẫu hàm 3D trong phục hình có sử dụng lấy dấu bằng máy kỹ thuật số 3D	Mẫu hàm 3D trong phục hình (lấy dấu bằng máy kỹ thuật số 3D) được lấy trên miệng người bệnh nhờ phương pháp kỹ thuật số bằng máy scan trên miệng người bệnh. Lấy dấu chính xác, tránh kích ứng với chất lấy dấu theo kiểu lấy dấu bằng chất lấy dấu, hoặc cho các chỉ định chính nha, phục hồi các răng mất - Cấu tạo: 01 hoặc 02 hàm - Chất liệu: Nhựa Acrylic - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh được in ra từ phim chụp cắt lớp và khuôn dấu hàm. - Hỗ trợ máy móc, kỹ thuật viên khi Bệnh viện có yêu cầu. - Yêu cầu khi sử dụng: Chính xác, dễ dàng chỉnh sửa theo nhu cầu điều trị. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cái	129
157	Miếng trám sứ zirconia	Miếng trám sứ zirconia dùng trong khôi phục, sửa chữa răng bị sâu hoặc bị rạn, nứt và không cần dùng đến mão răng. - Cấu tạo: + Bên trong (Inlay) cũng tương tự như một miếng trám được đúc nằm bên trong những đỉnh múi răng. + Bên ngoài (Onlay) bao phủ lên một hoặc nhiều múi răng. - Chất liệu: Bột sứ Emax (thẩm mỹ tối đa) - Kích thước: Tùy theo kích thước và vị trí răng của người bệnh. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	3
158	Mũi đánh bóng sứ	Mũi đánh bóng sứ sử dụng làm láng bóng sau phục hình răng sứ các loại - Chất liệu: + Đầu mũi: bằng SILICONE + Thân mũi: bằng thép không gỉ - Hình dạng đầu mũi: đĩa, chóp, đẹp... - Chiều dài cả mũi đánh bóng: khoảng $2 \pm 0.5\text{cm}$, nhiều kích cỡ	Cái	140

Lozin

STT	Tên vật tư	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng
159	Nắp chụp lạnh thương cấy ghép implant, kết nối côn, các cỡ	Nắp chụp lạnh thương cấy ghép implant, kết nối côn dùng trong thủ thuật, phẫu thuật cấy ghép implant - Chất liệu: titanium - Kích thước: + Loại thuận (ít nhất 16 kích cỡ): Đường kính: khoảng 3.3 - 4.8mm, chiều cao: khoảng 2 - 8mm + Loại tiêu chuẩn (ít nhất 16 kích cỡ): Đường kính: khoảng 3.9 - 5.8mm, chiều cao: khoảng 2 - 8mm + Loại rộng (ít nhất 6 kích cỡ): Đường kính: khoảng 5.5 - 6.3mm, chiều cao: khoảng 2 - 5mm - Lực vận khoảng 20 - 25Ncm - Tiệt khuẩn - Tương thích "vật liệu cấy ghép chân răng Implant Titanium C1/V3" tại hồ sơ môi trường	Cái	224
160	Nắp cấy trụ chân răng nhân tạo, các cỡ	Nắp cấy trụ chân răng nhân tạo, các cỡ dùng trong thủ thuật, phẫu thuật cấy ghép implant - Chất liệu: Hợp kim Titanium - Đường kính có tối thiểu các cỡ 3.0, 3.5, 4.3mm - Cấu tạo: Kết nối hình nón lục giác - Tiệt khuẩn. - Hỗ trợ đặt máy implant, bộ kit (dụng cụ, mũi khoan), kỹ thuật viên khi Bệnh viện yêu cầu - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	105
161	Nhám kẽ	Nhám kẽ dùng để đánh bóng vị trí tiếp xúc mặt bên của răng sau khi trám - Chất liệu: inox, thép không gỉ - Kích thước: + Chiều ngang có tối thiểu các cỡ 2.6, 3.3, 4.0mm + Độ dày có tối thiểu các cỡ 50, 70, 90, 140µm - Có 4 màu sắc (đỏ, xanh dương, vàng, xanh lá) tương ứng với độ nhám mịn khác nhau (200, 300, 600, 1000 mesh) - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	80
162	Nhíp phẫu thuật có máu/không máu	Nhíp phẫu thuật có máu/không máu giúp kẹp và giữ chặt mô, cơ trong suốt quá trình phẫu thuật thủ thuật - Chất liệu: Thép không gỉ - Kích thước: khoảng 120 - 150mm (có tối thiểu 2 cỡ: 120, 150mm) - Đầu nhíp không máu: ≤ 1.0mm (có tối thiểu cỡ 1.0mm) - Đầu nhíp không máu: ≤ 1.2mm (có tối thiểu cỡ 1.2mm) - Cấu tạo: Mặt trong đầu nhíp nhám giúp giữ chặt mô cơ. Tay cầm có khóa, vạch tạo độ nhám - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cây	82
163	Nút lạnh thương trụ chân răng nhân tạo, các cỡ	Nút lạnh thương trụ chân răng nhân tạo, các cỡ sử dụng cho trụ cấy ghép chân răng, dùng trong thủ thuật, phẫu thuật cấy ghép implant - Chất liệu: Hợp kim Titanium - Đường kính có tối thiểu các cỡ 3.2, 3.6, 3.8, 5.0, 6.0mm, Chiều dài có tối thiểu các cỡ 3, 5, 7mm - Cấu tạo: Kết nối hình nón lục giác - Tiệt khuẩn - Hỗ trợ đặt máy implant, bộ kit (dụng cụ, mũi khoan), kỹ thuật viên khi Bệnh viện yêu cầu - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	154
164	Ống dán trực tiếp răng hàm	Ống dán trực tiếp răng hàm dùng trong các thủ thuật chỉnh nha, được gắn trực tiếp răng hàm, răng cối nhỏ hàm dưới. - Chất liệu: Thép không gỉ - Cấu tạo: Một đầu hút cong, có dây thông tắc bằng thép không gỉ đi kèm. Một đầu có nhiều nấc giúp lưu giữ chắc chắn với dây hút nha khoa. Trên tay cầm có lỗ thông giúp điều khiển tắt, mở hút khi cần - Đường kính ống khoảng 0.018 - 0.022 inch (có tối thiểu 2 cỡ: 0.018 và 0.022 inch) - Kích thước rãnh giữa các ống: có tối thiểu 2 cỡ: 0.018 x 0.027 inch, 0.018 x 0.031 inch - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	165
165	Ống hút nước bọt, dịch trong thủ thuật, phẫu thuật nha khoa, dài 18 - 20cm	Ống hút nước bọt, dịch trong thủ thuật, phẫu thuật nha khoa - Chất liệu: inox, thép không gỉ - Cấu tạo: Một đầu hút cong, có dây thông tắc bằng thép không gỉ đi kèm. Một đầu có nhiều nấc giúp lưu giữ chắc chắn với dây hút nha khoa. Trên tay cầm có lỗ thông giúp điều khiển tắt, mở hút khi cần - Chiều dài: ≥ 175mm (có tối thiểu cỡ 175mm) - Đường kính trong: Khoảng 1.5 - 5mm (có tối thiểu 4 cỡ: 1.5; 3.0; 4.0; 5.0mm) - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	139
166	Ống nhựa bảo vệ môi	Ống nhựa bảo vệ môi sử dụng để bao bọc dây cung niti, SS trong chỉnh nha giúp các đầu dây cung không làm tổn thương niêm mạc môi má - Chất liệu: nhựa, không có latex - Chiều dài: ≥ 3m (tối thiểu có loại 3m) - Đường kính: ≤ 0.27mm (tối thiểu có loại 0.27mm) - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cuộn	61

STT	Tên vật tư	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng
167	Phục hình cốt thân trụ răng trong cây ghép chân răng có bắt vít (răng liền kề)	Phục hình cốt thân trụ răng trong cây ghép chân răng có bắt vít dùng kết nối chân răng được cấy ghép với phục hình răng bên trên trong trường hợp mất 1 hoặc nhiều răng liền kề - Chất liệu: Titanium - Kích thước: Phù hợp với vị trí và kích thước răng của người bệnh. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	75
168	Phục hình thân trụ răng trong cây ghép chân răng có bắt vít (răng không liền kề)	Phục hình thân trụ răng trong cây ghép chân răng có bắt vít dùng kết nối chân răng được cấy ghép với phục hình răng bên trên bao gồm bắt vít trong trường hợp mất 1 hoặc nhiều răng không liền kề, không bao gồm sứ. - Cấu tạo: Gồm 2 phần chính là Trụ chân răng và Vít kết nối, có nhiệm vụ làm trụ chống đỡ cho mão sứ, tạo thành liên kết vững chắc cho mão sứ và Implant. - Chất liệu: Titanium nguyên khối. - Kích thước: Theo chỉ định của Bác Sĩ, mẫu dấu lấy từ miệng người bệnh, phù hợp với vị trí và kích thước răng của người bệnh. - Hỗ trợ kỹ thuật khi Bệnh viện có yêu cầu. - Yêu cầu khi sử dụng: Không gây kích ứng trong môi trường miệng, dễ dàng điều chỉnh theo nhu cầu điều trị. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	49
169	Cao su lấy dấu loại nặng (sử dụng súng trộn)	Cao su lấy dấu răng loại nặng, sử dụng khi trộn cùng cao su lấy dấu loại nhẹ, dùng trong điều trị phục hình nha khoa - Thành phần: Vinyl polysiloxane Impression - Thời gian làm việc bên ngoài: 2 phút - Thời gian làm việc trong miệng: 2 phút - Màu sắc: xanh dương - Hương thơm: bạc hà - Nhiệt độ phân hủy 430 độ C - Áp suất hơi ở 20 độ C: 1 hPa - Tỉ trọng 1.6 g/cm³ - Quy cách đóng gói: 2 ống x 305ml/cặp (kit)/hộp - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Hộp	65
170	Cao su lấy dấu loại nhẹ (sử dụng súng trộn)	Cao su lấy dấu loại nhẹ, sử dụng khi trộn cùng cao su lấy dấu loại nặng, dùng để lấy dấu răng trong phục hình nha khoa - Thành phần: Hydrophilic Vinyl Polysilxane Impression, dạng lỏng - Thời gian làm việc trong miệng: 2 phút - Thời gian làm việc bên ngoài: 2 phút. - Màu sắc: hồng - Hương thơm: bạc hà - Nhiệt độ phân hủy > 400 độ C - Áp suất hơi ở 20 độ C: 100 hPa - Tỉ trọng 1.4-1.5 g/cm³ - Sử dụng kết hợp "Cao su lấy dấu loại nặng (sử dụng súng trộn)" tại hồ sơ mời thầu - Thể tích tối thiểu 50ml/ống - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Ống	65
171	Răng kim loại	Răng kim loại dùng để thay thế cho răng thật, riêng lẻ do bị hư, sức mẻ, sâu răng và thực hiện chức năng ăn nhai. - Cấu tạo: Khung sườn và mão kim loại - Chất liệu: Hợp kim tương đương Niken - Crome, Crome - Cobalt. - Kích thước: Theo yêu cầu của Bác sĩ phù hợp với kích thước và vị trí răng của người bệnh (tất cả các loại răng). - Bảo hành tối thiểu 3 năm - Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: Có tính tương hợp sinh học cao, có thể kết hợp tốt với xương, tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	28
172	Răng nhựa	Răng nhựa dành riêng cho phục hình tháo lắp, khôi phục hàm răng cho người cao tuổi hoặc trường hợp mất từ 1 răng trở lên hoặc mất răng toàn hàm. - Chất liệu: Nhựa nha khoa Việt Nam tương đương nhựa Acrylic - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh, lắp thiết kế lên hàm phù hợp theo từng chỉ định của Bác sĩ. - Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng. - Tương thích với các bộ so màu (Vita3D, Vita classical, Socope). - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	566
173	Răng nhựa Composite 2 lớp	Răng nhựa dành riêng cho phục hình tháo lắp, khôi phục hàm răng cho người cao tuổi hoặc trường hợp mất từ 1 răng trở lên hoặc mất răng toàn hàm - Chất liệu: Nhựa Composite 2 lớp hoặc tương đương. - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ. - Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: Màu răng phải tương thích với bộ so màu (Vita3D, Vita classical, Socope), tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	12

Signature

STT	Tên vật tư	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng
174	Hàm lai khung sườn kim loại phủ sứ nguyên khối	Hàm lai khung sườn kim loại phủ sứ nguyên khối dùng để thay thế cho răng thật phục hình trên Implant và thực hiện chức năng ăn nhai. - Cấu tạo: Gồm khung sườn và lớp sứ phủ bên ngoài. - Chất liệu: * Khung sườn: Hợp kim Crome - Cobalt. * Lớp men sứ phủ ngoài: Bột sứ Emax (thẩm mỹ tối đa), Ceramco3, Noritake. - Kích thước: Theo mẫu hàm được lấy khuôn trong miệng người bệnh, yêu cầu của Bác sĩ phù hợp với kích thước và vị trí răng của người bệnh (tất cả các loại răng). - Yêu cầu khi sử dụng: Không kích ứng trong miệng người bệnh, dễ dàng điều chỉnh theo nhu cầu điều trị. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cái	11
175	Răng sứ, chịu lực tối đa 1.200 Mpa	Răng sứ dùng để thay thế cho răng thật hoặc phục hình răng hư tổn và thực hiện chức năng ăn nhai. - Cấu tạo: gồm khung sườn và lớp sứ thẩm mỹ phủ bên ngoài - Chất liệu: * Khung sườn: vật liệu Zirconium dioxide với độ dày khoảng 0.5 - 0.6 mm. Các thời sứ có khả năng chịu lực nén, ép, xoắn cực lớn, đạt tới 1.200 Mpa. * Lớp sứ thẩm mỹ phủ bên ngoài: Bột sứ E-max (thẩm mỹ tối đa), Noritake, Ceramco3 PFZ, - Kích thước: Theo yêu cầu của Bác sĩ phù hợp với kích thước và vị trí răng của người bệnh (tất cả các loại răng) - Bảo hành: 10 năm - Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: Màu răng phải đúng theo bảng so màu Bác sĩ đã lấy trên người bệnh, tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	340
176	Răng sứ trên Implant, thời gian bảo hành tối thiểu 07 năm	Răng sứ Cercon HT trên Implant dùng để thay thế cho răng thật trên Implant và thực hiện chức năng ăn nhai. - Cấu tạo: Khung sườn và lớp sứ thẩm mỹ phủ bên ngoài, có đầu kết nối với chân răng nhân tạo bên dưới. - Chất liệu: * Khung sườn: V Vật liệu tương đương Zirconium dioxide với độ dày khoảng 0.5 - 0.6 mm. Các thời sứ có khả năng chịu lực nén, ép, xoắn cực lớn, đạt tới 1.350Mpa. * Lớp sứ thẩm mỹ phủ ngoài: Bột sứ E-max (thẩm mỹ tối đa). - Kích thước: Theo yêu cầu của Bác sĩ phù hợp với kích thước và vị trí răng của người bệnh (tất cả các loại răng). - Bảo hành tối thiểu 07 năm. - Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: Màu răng phải tương thích với bộ so màu (Vita3D, Vita classical, Socope), tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	41
177	Răng sứ kim loại	Răng sứ kim loại dùng để thay thế cho răng thật hoặc phục hình răng hư tổn và thực hiện chức năng ăn nhai. - Cấu tạo: gồm khung sườn và lớp sứ thẩm mỹ phủ bên ngoài. - Chất liệu: * Khung sườn: Hợp kim Crome - Cobalt - Niken * Lớp sứ thẩm mỹ phủ bên ngoài: Bột sứ E-max (thẩm mỹ tối đa), Noritake, Ceramco3. - Kích thước: Theo yêu cầu của Bác sĩ phù hợp với kích thước và vị trí răng của người bệnh (tất cả các loại răng) - Bảo hành tối thiểu 03 năm - Hỗ trợ đặt máy, kỹ thuật viên so màu, chụp hình răng trực tiếp trên miệng người bệnh. - Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: Màu răng phải đúng theo bảng so màu Bác sĩ đã lấy trên người bệnh, có tính tương hợp sinh học cao, có thể kết hợp tốt với xương, tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	425
178	Cao su lấy dấu loại nặng (sử dụng kính và dao trộn)	Cao su lấy dấu loại nặng, sử dụng khi trộn cùng cao su lấy dấu loại nhẹ, dùng trong điều trị phục hình nha khoa Đặc điểm: - Ưu nước, màu tương phản giữa các độ nhớt khác nhau. - Khả năng hồi phục tốt sau khi bị biến dạng - Quy cách đóng gói: Hộp/ 8 cặp (16 ống x 262ml) -Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Hộp	33
179	Răng sứ Titan trên implant	Răng sứ Titan trên Implant dùng để thay thế cho răng thật trên Implant và thực hiện chức năng ăn nhai như răng thật. - Cấu tạo: Gồm khung sườn và lớp sứ thẩm mỹ phủ bên ngoài, có đầu kết nối với chân răng nhân tạo bên dưới. - Chất liệu: * Khung sườn: Hợp kim Titan (chứa khoảng 4 - 6% Titanium) * Lớp sứ thẩm mỹ phủ bên ngoài: Noritake hoặc Ceramco3. - Kích thước: Theo yêu cầu của Bác sĩ phù hợp với kích thước và vị trí răng của người bệnh (tất cả các loại răng). - Bảo hành tối thiểu 05 năm. - Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: Màu răng phải đúng theo bảng so màu Bác sĩ đã lấy trên người bệnh, tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	155

STT	Tên vật tư	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng
180	Răng sứ Zirconia, chịu lực nén đạt tới 900 Mpa	Răng sứ Zirconia dùng để thay thế cho răng thật hoặc phục hình răng hư tổn và thực hiện chức năng ăn nhai. - Cấu tạo: Gồm khung sườn và lớp sứ thẩm mỹ phủ bên ngoài - Chất liệu: * Khung sườn: Vật liệu tương đương Zirconium với độ dày khoảng 0.5 - 0.6 mm. Các thời sứ có khả năng chịu lực nén, ép, xoắn cực lớn, đạt tới 900 Mpa. 100% không hợp kim. * Lớp sứ thẩm mỹ phủ ngoài: Bột sứ E-max (thẩm mỹ tối đa), Noritake. - Kích thước: Theo yêu cầu của Bác sĩ phù hợp với kích thước và vị trí răng của người bệnh (tất cả các loại răng) - Bảo hành 10 năm - Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: Mẫu răng phải đúng theo bảng so màu Bác sĩ đã lấy trên người bệnh, tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	308
181	Răng sứ Zirconia toàn bộ	Răng Zirconia toàn bộ dùng để thay thế cho răng thật hoặc phục hình răng hư tổn và thực hiện chức năng ăn nhai. - Cấu tạo: Zirconium nguyên khối. - Chất liệu: ật liệu tương đương Zirconium dioxide, các thời Zirconia được nung ở nhiệt độ cao có khả năng chịu lực nén, ép, xoắn cực lớn, đạt tới 900-1.100Mpa - Kích thước: Theo yêu cầu của Bác sĩ phù hợp với kích thước và vị trí răng của người bệnh (tất cả các loại răng) - Bảo hành 10 năm. - Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: Mẫu răng phải đúng theo bảng so màu Bác sĩ đã lấy trên người bệnh, tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	291
182	Răng sứ Zirconia trên implant	Răng sứ Zirconia trên Implant dùng để thay thế cho răng thật trên Implant và thực hiện chức năng ăn nhai. - Cấu tạo: Gồm khung sườn và lớp sứ thẩm mỹ phủ bên ngoài, có đầu kết nối với chân răng nhân tạo bên dưới. - Chất liệu: * Khung sườn: Zirconia White Peeks, 100% không hợp chất. * Lớp sứ thẩm mỹ phủ ngoài: Bột sứ E-max (thẩm mỹ tối đa), Noritake, Ceramco3 PFZ. - Kích thước: Theo yêu cầu của Bác sĩ phù hợp với kích thước và vị trí răng của người bệnh (tất cả các loại răng). - Bảo hành 10 năm. - Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: Mẫu răng phải đúng theo bảng so màu Bác sĩ đã lấy trên người bệnh, tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	128
183	Ron mắc cài đơn	Ron mắc cài đơn có tác dụng kết nối giữa hàm khung liên kết và răng giả trên khung, tạo sự cố định, bền chắc của hàm răng giả. - Chất liệu: Cao su - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ - Tương thích với mắc cài đơn cùng hãng. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	7
184	Sáp chỉnh nha	Sáp chỉnh nha bôi trơn chống tổn thương niêm mạc môi má trong thủ thuật chỉnh nha - Thành phần: sáp ong chuyên dùng trong nha khoa - Kích thước: dạng thỏi dài khoảng 5 - 7cm (tối thiểu có loại 5cm) - Quy cách đóng gói: 5 thanh/hộp - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	hộp	763
185	Sáp lá	Sáp lá dùng trong phục hình răng - Thành phần: sáp nền - Kích thước khoảng 17 x 10 x 0.2cm, hình chữ nhật - Trọng lượng: $\geq 200g$	Hộp	33
186	Sò đánh bóng răng	Sò đánh bóng răng giúp đánh bóng, làm sạch răng sau điều trị viêm nha chu - Thành phần: Flouride Ion ($\geq 1.23\%$) (dạng Natri Flouride trong hỗn hợp phốt phát), Purmice, Natri saccharine, Glycerine, sodium benzoate, hương liệu. - Trọng lượng: 2g/cái $\pm 0.5g$ - Đóng gói tối thiểu 200 cái/hộp - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Hộp	35

Lothar

STT	Tên vật tư	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng
187	Thanh nâng đỡ trong cây ghép 4 trụ chân răng	Thanh nâng đỡ trong cây ghép 4 trụ chân răng giúp nâng đỡ cho phục hình hàm nhựa phù trong cây ghép 4 trụ chân răng. - Cấu tạo: Gồm 4 trụ Implant sẽ được đặt thẳng liên kết với nhau bằng thanh bar cad/cam nâng đỡ trên 4 trụ chân răng. - Chất liệu: + Thanh Bar: Titanium nguyên khối hoặc kết hợp với thỏi Zirconium. - Kích thước: Tùy theo kích thước và vị trí răng được lấy dấu trên miệng của người bệnh, đúng chỉ định của Bác sĩ. - Hỗ trợ kỹ thuật khi Bệnh viện có yêu cầu - Yêu cầu khi sử dụng: Có khả năng đề kháng với sự lan truyền nứt gãy. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	15
188	Mắc cài kim loại dành cho răng cối nhỏ	Mắc cài kim loại dành cho răng cối nhỏ - Chất liệu: kim loại không gỉ - Kích thước: rãnh (khe) trên mắc cài 0.022 ± 0.001 inch (0.56 ± 0.01mm) - Sắp xếp: Một bộ bao gồm 20 mắc cài tương đương vị trí 20 răng trên cung hàm - Cấu tạo một mảnh mắc cài: + Cạnh bo tròn + Chỉ thị màu phân biệt từng mắc cài + Trên mỗi mắc cài có đánh số tương đương vị trí của răng + Mặt lưng có rãnh lưới + Trên mắc cài có các đường gờ giúp gắn chính xác trên răng + Có cánh sâu để buộc thun hoặc cột dây - Tương thích với các dây cung, dây thun các loại - Bộ tối thiểu 20 cái - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Bộ	85
189	Thạch cao cứng	Thạch cao siêu cứng là vật liệu dùng để lấy dấu, lấy ni (lấy mẫu ban đầu) của hàm, răng hoặc các chỉ định khác cần lấy mẫu chính xác - Thành phần: bột thạch cao - Tỷ lệ trộn nước/bột: ≥ 0.23 - Thời gian trộn: ≥ 11 phút - Độ cứng sau 1 giờ (MPa) - Thời gian đông cứng tối đa 40 phút, loại bỏ khuôn sau 60 phút - Trọng lượng 1.5kg/gói - Tiêu chuẩn: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Gói	216
190	Răng composite	Răng Composite dành riêng cho phục hình tháo lắp, khôi phục hàm răng cho người cao tuổi hoặc trường hợp mất từ 1 răng trở lên hoặc mất răng toàn hàm - Chất liệu: Nhựa composite của Nhật. - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ. - Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: Màu răng phải đúng theo bảng so màu Bác sĩ đã lấy trên người bệnh, tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	241
191	Thân trụ răng cây ghép cho nhiều đơn vị kết nối lực giác dạng thẳng	Thân trụ răng cây ghép cho nhiều đơn vị kết nối lực giác dạng thẳng dùng trong những trường hợp phục hình răng nhiều đơn vị hướng thẳng, phục hình hình bất vít. - Chất liệu: Hợp kim Titanium - Đường kính có tối thiểu các cỡ 3.5, 4.3, 5.0, 5.5mm, Chiều cao nướu có tối thiểu các cỡ 1.5, 2.5, 3.5 4.5mm - Cấu tạo: bất vít phục hình dạng thẳng, kết nối hình nón lực giác - Yêu cầu kỹ thuật: Có mã màu hệ thống dễ dàng sử dụng, có thể xoay vòng tròn, dễ dàng gắn phục hình. - Tiệt khuẩn - Hỗ trợ đặt máy implant, bộ kit (dụng cụ, mũi khoan), kỹ thuật viên khi Bệnh viện yêu cầu - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	69
192	Keo quang trùng hợp trám răng	Keo quang trùng hợp dùng trong trám răng giúp tăng độ kết dính của vật liệu trám vào men răng - Thành phần: + Keo kích hoạt: Dung dịch Ethanolic aryl sulfonate + Keo A: Nhựa matrix Bis-GMA ưa nước, chất xúc tác + Keo B: Nhựa matrix Bis-GMA ưa nước, benzoyl peroxide - Phù hợp để gắn chốt, tái tạo cùi, kết dính các vật liệu trám răng, men răng và ngà răng. - Đóng gói: 1 lọ keo A 5ml, 1 lọ keo B, 1 lọ keo kích hoạt 5ml, 1 tuýp tạo nhám và phụ kiện - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Bộ	43

STT	Tên vật tư	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng
193	Thân tuốc nơ vít dùng để vận vít 2.0mm	Thân tuốc nơ vít dùng để vận "vít cố định xương vùng hàm mặt, đường kính khoảng 1.5 - 2.5mm", kết nối vít và đầu vận vít, cố định vít vào nẹp và vùng xương gãy - Chất liệu: thép không gỉ - Chiều dài: khoảng 88 - 120mm (tối thiểu phải có cỡ 89.7mm và 117mm) - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	26
194	Thanh nâng đỡ trong cây ghép 1 trụ chân răng	Thanh nâng đỡ trong cây ghép 1 trụ chân răng tiếp theo giúp nâng đỡ cho phục hình hàm nhựa phù trong phục hình Implant. - Cấu tạo: Thanh bar cad/cam Titan được tiếp nối với thanh nâng đỡ trên 1 trụ chân răng tiếp theo. - Chất liệu: Titanium nguyên khối hoặc kết hợp với thoi Zirconium. - Kích thước: tùy theo kích thước và vị trí răng được lấy dấu trên miệng của người bệnh, đúng chỉ định của Bác sĩ - Hỗ trợ kỹ thuật khi Bệnh viện có yêu cầu - Yêu cầu khi sử dụng: có khả năng đề kháng với sự lan truyền nứt gãy. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	26
195	Hàm khung nhựa khung sườn kim loại và răng composite	Hàm khung nhựa cường lực phù trong phục hình cây ghép implant trên thanh bar kèm răng dùng để thay thế cho răng thật phục hình trên Implant và thực hiện chức năng ăn nhai. - Cấu tạo: Khung sườn và hàm nhựa cường lực phù ngoài khung sườn. - Chất liệu: * Khung sườn : Hợp kim Crome - Cobalt. * Hàm nhựa phù ngoài khung sườn: Nhựa cường lực. * Răng nhựa composite. - Kích thước: Theo mẫu hàm được lấy khuôn trong miệng người bệnh, yêu cầu của Bác sĩ phù hợp với kích thước và vị trí răng của người bệnh (tất cả các loại răng). - Yêu cầu khi sử dụng: Không kích ứng trong miệng người bệnh, dễ dàng điều chỉnh theo nhu cầu điều trị. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	20
196	Thun buộc mắc cài dành cho mắc cài kim loại, sứ	Thun buộc mắc cài dành cho mắc cài kim loại, sứ dùng trong thủ thuật chỉnh nha - Chất liệu: cao su - Kích thước: đường kính vòng thun tối đa 0.120 inch (tối thiểu có cỡ 0.120 inch) - Cấu tạo: gồm nhiều vòng thun tròn trên một thanh - Quy cách đóng gói: ≥ 42 cây/hộp - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Hộp	236
197	Thun buộc mắc cài, cố định hàm mặt	Thun buộc mắc cài, cố định hàm mặt trong thủ thuật chỉnh hình hàm mặt - Chất liệu: cao su latex thiên nhiên - Đường kính vòng thun 3/8" (9.35mm) (có tối thiểu cỡ 3/8") - Lực kéo: ≥ 14 Oz (có tối thiểu cỡ 14Oz) - Tương thích với dụng cụ đặt thun, cố định hàm, mắc cài chỉnh nha. - Quy cách đóng gói: ≥ 100 cái/gói - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Gói	213
198	Thun chuỗi buộc mắc cài, các loại	Thun chuỗi buộc mắc cài, các loại dùng trong thủ thuật chỉnh nha - Chất liệu: cao su latex - Cấu tạo: hình chuỗi dài nhiều lỗ liên tiếp. - Chiều cao đàn hồi thun có thể đạt được là khoảng 0.015" - 0.030" (có tối thiểu 3 cỡ: 0.015", 0.025", 0.030") - Màu sắc: nhiều màu (tối thiểu 24 màu) - Đóng gói: Cuộn/ ≥ 15 ft (tối thiểu có cỡ 15 ft) - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	cuộn	128
199	Thun kéo mắc cài các cỡ dùng trong thủ thuật chỉnh nha	Thun kéo mắc cài các cỡ dùng trong thủ thuật chỉnh nha - Chất liệu: cao su latex thiên nhiên - Kích thước: đường kính khoảng 3.0 - 9.0mm (có tối thiểu 5 cỡ: 3.0, 5.0, 6.0, 8.0, 9.0mm) tương ứng với tối thiểu 40 size - Lực kéo: khoảng 2.5 - 6.0 Oz (có tối thiểu 4 cỡ: 2.5, 3.5, 4.5, 6.0 Oz) - Quy cách đóng gói: 100 cái/gói - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Gói	2.273

Loanquet

STT	Tên vật tư	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng
200	Thun tách kẽ	Thun tách kẽ giữa các răng trong thủ thuật chỉnh nha - Chất liệu: Không có thành phần latex cao su thiên nhiên - Hình dạng: vòng tròn, gồm nhiều vòng thun tròn trên một thanh. - Đường kính: khoảng 0.4 - 0.5cm (tối thiểu có loại 0.5cm) - Quy cách đóng gói: 80 cái/thanh, gói 13 thanh - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Gói	135
201	Thước đo chiều dài ống tủy	Thước đo chiều dài ống tủy - Chất liệu: nhựa cứng - Cấu tạo: có vạch chia và các lỗ chia tương ứng kích thước khoảng 12 - 27mm, có các cỡ 12, 13, 14, 16, 18, 20, 24, 27mm tương ứng với chiều dài ống tủy - Chiều dài: khoảng 10 - 15cm - Tương đương với chiều dài của các dụng cụ điều trị ống tủy - Quy cách đóng gói: 1 cái/hộp. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Hộp	18
202	Thước đo chiều dày lông mao răng	Thước đo chiều dày lông mao răng - Chất liệu: Thép không gỉ - Hình dạng thước: dài và tam giác - Cấu tạo: hình tam giác kết nối bởi ba thanh, cạnh đáy có chia vạch. - Chiều dài: ≤ 130mm (có tối thiểu cỡ 130mm) - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cái	7
203	Thước đo sự cân đối của khuôn mặt (cung hàm) trong phục hình răng	Thước đo sự cân đối của khuôn mặt (cung hàm) trong phục hình răng - Chất liệu: Thép không gỉ - Kích thước: chiều dài hai thành ngoài ≥ 10.5cm (có tối thiểu cỡ 10.5cm). Chiều dài lòng trong hoặc ngoài ≥ 8.5cm (có tối thiểu cỡ 8.5cm). Chiều ngang lòng trong thước ≥ 6.3cm (có tối thiểu cỡ 6.3cm). - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cái	10
204	Trụ chân răng nhân tạo có bao phủ màng sinh học các cỡ	Trụ chân răng nhân tạo có bao phủ màng sinh học, các cỡ sử dụng thay thế chân răng, trong những trường hợp: nâng đỡ và tích hợp mô vùng cổ implant, tăng tích hợp vùng xương D1, nhổ răng đặt implant và gắn phục hình tức thì. - Chất liệu: Titanium tinh khiết độ 4 - Đường kính có tối thiểu các cỡ 3.0, 3.5, 4.3, 5.0, 5.5mm; Chiều dài có tối thiểu các cỡ 7, 8.5, 10, 11.5, 13, 15, 18mm. - Cấu tạo: bề mặt cấu trúc nano dẫn đến bề mặt nhám và xốp. Có màu vàng, ren cắt hai chiều, kết nối trong, hình nón, lục giác. - Yêu cầu kỹ thuật: Siêu ưu nước, tích hợp xương tức thì, ren cắt thuận lợi cho việc chuyển hướng, chính xác, an toàn cho tái định vị phục hình. - Tiệt khuẩn - Hỗ trợ đặt máy implant, bộ kit (dung cụ, mũi khoan), kỹ thuật viên khi Bệnh viện yêu cầu - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	7
205	Trụ chân răng nhân tạo song song có bao phủ màng sinh học các cỡ	Trụ chân răng nhân tạo song song có bao phủ màng sinh học, các cỡ sử dụng thay thế chân răng, trong những trường hợp mất răng toàn hàm bán hàm hoặc có nâng xoang ghép xương, để phục hồi chức năng ăn nhai, nâng đỡ và tích hợp mô vùng cổ implant, tăng tích hợp vùng xương D1. - Chất liệu: Titanium tinh khiết độ 4. - Đường kính có tối thiểu các cỡ 3.75, 4.3, 5.0mm; Chiều dài có tối thiểu các cỡ 7, 8.5, 10, 11.5, 13, 15, 18mm. - Cấu tạo: bề mặt cấu trúc nano dẫn đến bề mặt nhám và xốp. Có màu vàng, kết nối trong, hình nón, lục giác. - Yêu cầu kỹ thuật: Có thể đặt implant nghiêng đến 45°, quy trình mũi khoan đơn giản, chính xác, an toàn cho tái định vị phục hình tích hợp xương tức thì. - Các bộ phận đi kèm: Có nắp đậy đi kèm - Tiệt khuẩn - Hỗ trợ đặt máy implant, bộ kit (dung cụ, mũi khoan), kỹ thuật viên khi Bệnh viện yêu cầu - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	41
206	Trụ phục hình cho thân trụ răng đa hướng kết nối côn nghiêng	Trụ phục hình cho thân trụ răng đa hướng kết nối côn nghiêng có tác dụng nâng đỡ và tiếp nối cho răng phục hình trên chân răng đã cấy ghép - Vật liệu: titanium - Kết nối côn. - Dạng nghiêng: ≥ 17 độ (tối thiểu có cỡ 17 độ và 30 độ) - Đường kính ≥ 4.8mm, chiều cao nướu ≥ 1mm (tối thiểu phải có cỡ 1mm và 2mm). - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	49

STT	Tên vật tư	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng
207	Trụ phục hình cho thân trụ răng đa hướng kết nối côn thẳng	Trụ phục hình cho thân trụ răng đa hướng kết nối côn thẳng có tác dụng nâng đỡ và tiếp nối cho răng phục hình trên chân răng đã cấy ghép - Vật liệu: titanium - Dạng thẳng, kết nối côn - Đường kính: $\geq 4.8\text{mm}$ (tối thiểu có cỡ 4.8mm), chiều cao nướu khoảng 1 - 5mm (tối thiểu phải có cỡ 1mm, 2mm, 3mm, 4mm) - Chiều cao phần trên trụ phục hình cho thân trụ răng đa hướng $\geq 2.0\text{mm}$ (tối thiểu có cỡ 2.0mm) - Lực vặn 30Ncm. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	21
208	Trụ phục hình thẩm mỹ nghiêng 15° cho chân răng nhân tạo, các cỡ	Trụ phục hình thẩm mỹ 15° cho chân răng nhân tạo các cỡ dùng trong những trường hợp phục hình răng đơn lẻ hướng nghiêng 15°, dán mào răng với xi măng dán trong nha khoa. - Chất liệu: Hợp kim Titanium - Đường kính có tối thiểu các cỡ 3.0, 3.5, 4.3, 5.0, 5.5mm, Chiều cao nướu có tối thiểu các cỡ 1.5, 3, 4.5mm - Cấu tạo: dạng nghiêng 15°, kết nối hình nón lục giác - Tiết khuẩn - Hỗ trợ đặt máy implant, bộ kit (dụng cụ, mũi khoan), kỹ thuật viên khi Bệnh viện yêu cầu - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	56
209	Trụ phục hình thẩm mỹ cho chân răng nhân tạo, các cỡ	Trụ phục hình thẩm mỹ cho chân răng nhân tạo, các cỡ dùng trong những trường hợp phục hình răng đơn lẻ hướng thẳng, dán mào răng với xi măng dán trong nha khoa. - Chất liệu: Hợp kim Titanium - Đường kính có tối thiểu các cỡ 3.0, 3.5, 4.3, 5.0, 5.5mm, Chiều cao nướu có tối thiểu các cỡ 1.5, 3, 4.5mm - Cấu tạo: dạng thẳng, kết nối hình nón lục giác - Tiết khuẩn - Hỗ trợ đặt máy implant, bộ kit (dụng cụ, mũi khoan), kỹ thuật viên khi Bệnh viện yêu cầu - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	51
210	Vật liệu bôi trơn thành ống tùy	Vật liệu bôi trơn thành ống tùy giúp giảm nguy cơ gây dụng cụ trong ống tùy, làm giảm sự tích tụ mủn ngà trên vách ống ngà, giúp rửa sạch hoàn toàn ống tùy, hỗ trợ sát khuẩn ống tùy - Thành phần: Ethylene Diamine Tetracetic (EDTA), Polyethylene glycol (PEG) - Dạng gel, mịn, và bám dính tốt giúp thao tác chính xác. - Đóng gói: 2 tuýp/hộp (túyp $\geq 7\text{g}$) - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Tuýp	196
211	Vật liệu cầm máu nướu	Vật liệu cầm máu nướu giúp cầm máu nướu và ngăn chặn dịch nướu trong các trường hợp chảy máu trung bình sau khi mài cùi răng, trám răng, gắn phục hình. Nhóm clorua trong sản phẩm có tác dụng co mạch đối với các mạch máu nhỏ, làm giảm sưng nướu và chảy máu nhẹ. - Thành phần: nhóm clorua 25%, nước Ph.Eur., tá dược - Dạng gel - Thể tích: $\geq 5\text{ml}$ - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Ông	7
212	Cao su lấy dấu loại nhẹ (sử dụng kính và dao trộn)	Cao su lấy dấu loại nhẹ, sử dụng khi trộn cùng cao su lấy dấu loại nặng, dùng trong điều trị phục hình nha khoa. Đặc điểm: - Khả năng chống rách khi thành khuôn - Có khả năng phục hồi đàn hồi ít nhất 99% - Ổn định về kích cỡ khoảng 15 - 17 ngày khi thành khuôn - Khuôn lấy dấu không bị biến dạng khi khử khuẩn qua các chất như cồn, muối. - Quy cách đóng gói: 8 cái x ($\geq 50\text{ml}$)/hộp - Thời gian trộn: 5 phút 30 giây - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Hộp	98
213	Vật liệu cấy ghép chân răng, đường kính khoảng 3.75 - 5.0mm (trong mắt nhiều răng, có nâng xoang, ghép xương)	Vật liệu cấy ghép chân răng sử dụng thay thế chân răng, trong những trường hợp mất răng toàn hàm hoặc bán hàm hoặc có nâng xoang ghép xương, để phục hồi chức năng ăn nhai. - Chất liệu: Titanium tinh khiết độ 4. - Đường kính có tối thiểu các cỡ 3.75, 4.3, 5.0mm; Chiều dài có tối thiểu các cỡ 7, 8.5, 10, 11.5, 13, 15, 18mm. - Cấu tạo: Kết nối bên trong, hình nón, lục giác. - Yêu cầu kỹ thuật: Có thể đặt implant nghiêng đến 45°, quy trình mũi khoan đơn giản, chính xác, an toàn cho tái định vị phục hình. - Các bộ phận đi kèm: Có nắp đậy đi kèm - Tiết khuẩn - Hỗ trợ đặt máy implant, bộ kit (dụng cụ, mũi khoan), kỹ thuật viên khi Bệnh viện yêu cầu - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	3

Signature

STT	Tên vật tư	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng
214	Vật liệu điều trị ngà nhạy cảm, chống ê buốt răng	Vật liệu điều trị ngà nhạy cảm, chống ê buốt răng dùng điều trị nhạy cảm ngà và phòng ngừa ê buốt ở vùng cổ răng - Thành phần: KCL (3500ppm F-) ($\geq 1\%$), Hema (2 hydroxyethyl methacrylate), nước tinh khiết, tá dược. - Trọng lượng: 1 ml/chai - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Chai	8
215	Vật liệu dùng để sát trùng ống tủy, dạng kem	Vật liệu dùng để sát trùng ống tủy, dạng kem nằm trong nhóm xi măng hàn răng được sử dụng để đặt khử trùng tạm thời vào chỗ bít tắc của ống tủy, có thể được sử dụng trong kỹ thuật gián tiếp và trực tiếp, điều trị tủy nhiễm trùng - Thành phần: Canxi hydroxit - Độ pH: 12 - 13 - Dạng hỗn hợp kem mịn, cân quang - Trọng lượng: 1.5g x 2 ống/hộp - Sử dụng kèm vật liệu chữa tủy răng các loại - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Hộp	2
216	Vật liệu gắn khâu răng trong chính nha (niềng răng)	Vật liệu gắn khâu răng trong chính nha (niềng răng) để hóa trùng hợp - Thành phần: xi măng Radiopaque Glass Ionomer có chứa bột thủy tinh, Polycarboxylic acid, Tartaric acid, ... - Khả năng bám dính: $\geq 7.5\text{MPa}$ - Độ mỏng lớp xi măng: $\leq 17\mu\text{m}$ - Dạng bột (30g) và nước (12ml) - Thời gian làm việc áp dụng ở nhiệt độ phòng 23°C và độ ẩm tương đối 50% + Thời gian trộn ≥ 30 giây + Thời gian làm việc từ lúc trộn ≥ 3 phút 10 giây + Thời gian đông cứng từ lúc trộn ≥ 7 phút - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Hộp	20
217	Vật liệu gắn mắc cài sử dụng trong chính nha (niềng răng)	Vật liệu gắn mắc cài sử dụng trong chính nha (niềng răng) - Thành phần: acrylate - Dạng: gel đông cứng bằng ánh sáng quang trùng hợp - Sử dụng ở nhiệt độ: khoảng 20 - 25°C - Tương thích với đèn quang trùng hợp - Yêu cầu khi sử dụng: dán tốt cho mắc cài kim loại và mắc cài sứ. - Quy cách: 2 ống/hộp (ống $\geq 4\text{g}$); 1 lọ primer $\geq 6\text{ml}$ và 60 tip quét primer/bộ - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Bộ	18
218	Vật liệu gắn tạm cầu mào răng	Vật liệu gắn tạm cầu mào răng dùng để gắn tạm các răng tạm, gắn tạm mào răng, cầu răng, gắn cầu và mào trên trụ implant...Đặc biệt phù hợp để sử dụng cho người bệnh nhạy cảm với Eugenol - Thành phần: khoảng 80 - 90% Zinc Oxide, không chứa Eugenol - Dạng: hỗn hợp sệt và chất xúc tác - Thời gian trộn ≥ 30 giây. - Tổng thời gian làm việc từ lúc trộn ≥ 1 phút 30 giây - Thời gian đông sau khi trộn ≥ 3 phút 30 giây - Đóng gói gồm 2 lọ (01 lọ 30g + 1 lọ 13g chất xúc tác) - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Hộp	15
219	Vật liệu hỗ trợ tăng độ kết dính khi gắn sứ	Vật liệu hỗ trợ tăng độ kết dính khi gắn sứ (Acid HCl), tạo độ nhám trên bề mặt răng trước khi gắn - Thành phần: khoảng 9.5% - 96% hydrofluoric (tối thiểu có loại 9.5%) - Dạng: gel, không mùi - Không làm đổi màu sứ và xi măng gắn - Trọng lượng: 5g - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Hộp	13
220	Vật liệu hỗ trợ tăng độ kết dính khi trám composite các loại	Vật liệu hỗ trợ tăng độ kết dính (tạo độ nhám trên mặt răng) khi trám composite - Thành phần: 37% phosphoric acid. - Dạng: gel, màu xanh trong, không mùi - Trọng lượng: $\geq 5\text{g}$ - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Tuýp	98
221	Vật liệu hỗ trợ trám bít ống tủy (Côn phụ)	Vật liệu hỗ trợ trám bít ống tủy (Côn phụ) được sử dụng sau cây côn chính để trám bít bổ sung cho ống tủy - Thành phần: Gutta Percha hoặc tương đương - Kích thước, hình dáng và độ trơn khác nhau tương ứng loại A, B, C, D. Đầu chóp tròn - Chỉ số đo lường ở mức 1/1000mm - Côn được kiểm soát bằng laser - Quy cách đóng gói: ≥ 120 cái/hộp - Tương đương với các loại trám tay - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Hộp	23

STT	Tên vật tư	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng
222	Vật liệu làm khô ống tùy (Côn giấy)	Vật liệu làm khô ống tùy (Côn giấy) sử dụng để lau khô ống tùy trước khi trám bít - Cấu tạo: giấy nén - Kích cỡ: số khoảng 15 - 45 (14 cỡ: 8, 10, 15, 20, 25, 30, 35, 40, 45, 50, 55, 60, 70, 80), kích thước, hình dáng và độ thuận tương ứng ống tùy các loại - Chỉ số đo lường ở mức 1/1000mm - Côn được kiểm soát bằng laser - Quy cách đóng gói: 200 cái/hộp - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Hộp	46
223	Vật liệu lấy dấu răng loại nhanh	Vật liệu lấy dấu răng alginate dùng để lấy dấu khuôn răng trong phục hình, nghiên cứu khớp cắn, chỉnh nha...đặc biệt sử dụng cho các trường hợp: há miệng hạn chế, trẻ em, người cao tuổi - Thành phần: Sodium alginate, Calcium sulfate - Dạng: bột - Bột có màu, không đổi màu khi trộn (loại nhanh) - Thời gian trộn: khoảng 18 - 20 giây (tối thiểu có loại 20 giây) - Trọng lượng: 500g - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Gói	191
224	Vật liệu lấy dấu răng loại chậm	Vật liệu lấy dấu răng được sử dụng lấy dấu khuôn răng trong phục hình răng, nghiên cứu khớp cắn, chỉnh nha - Thành phần: Sodium alginate, Alghamix II, Algitrax - Dạng: bột - Bột có màu vàng, mùi trái cây, đổi màu khi trộn (loại chậm) - Thời gian trộn: chậm ≥ 45 giây - Thời gian làm việc trong miệng: 1 phút 20 giây - Tổng thời gian làm việc: 3 phút 20 giây - Trọng lượng: ≥ 453g/gói - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Gói	123
225	Vật liệu tẩy trắng răng	Vật liệu tẩy trắng răng dùng làm sạch mảng bám trên răng, giúp răng sáng trắng - Thành phần: hoạt chất tẩy trắng Carbamide Peroxide nồng độ 22% - Dạng: Gel, màu trong suốt, không chảy thấm vào mô mềm - Thời gian tác dụng trên răng: ≥ 30 phút (tối thiểu thời gian 30 phút) - Trọng lượng tối thiểu: 3g/tuýp - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Tuýp	92
226	Vật liệu trám bít các lỗ hổng trên răng, dạng đặc (trám răng phía trước)	Vật liệu trám bít các lỗ hổng trên răng, dạng đặc dùng trong điều trị trám răng, điều trị tủy. - Thành phần: Urethane modified BisGMA-adduct, BisEMA and diluents, Camphorquinone (CQ) Photoinitiator, chất ổn định, màu. - Dạng: đặc - Trọng lượng: ≥ 3g - Tương thích với đèn quang trùng hợp và các vật liệu trám composite - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Hộp	85
227	Vật liệu trám bít các lỗ hổng trên răng, dạng lỏng (trám răng phía trước)	Vật liệu trám bít các lỗ hổng trên răng, dùng trong trám răng, điều trị tủy... - Thành phần: Urethane modified BisGMA-adduct, BisEMA and diluents, Camphorquinone (CQ) Photoinitiator, chất ổn định, màu. - Dạng: lỏng - Tương thích với vật liệu của phục hình gián tiếp truyền ánh sáng. - Trọng lượng: 1.8g/ống - Quy cách đóng gói: ≥ 2 ống/hộp - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Hộp	82
228	Vật liệu trám bít các lỗ hổng trên răng, dạng đặc (trám xoang I, II, IV, V, răng sữa, tái tạo cùi răng)	Vật liệu trám bít các lỗ hổng trên răng, trám xoang loại I, II III, IV, V, trám răng sữa, tái tạo cùi răng. - Thành phần: Composite có chứa nhựa bis-GMA, UDMA, TEGDMA, PEGDMA và bis-EMA. - Dạng: đặc - Cấu tạo: tỷ lệ hạt độn Nano ≤ 100nm chiếm ≥ 72.5% theo trọng lượng. - Trọng lượng: ≥ 4g - Tương thích với đèn quang trùng hợp, cây trám composite, keo dán composite, cây bôi keo. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Hộp	85

Lozmqun

STT	Tên vật tư	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng
229	Vật liệu trám bít các lỗ hổng trên răng, dạng lỏng (trám xoang I, II, III, IV, V, răng sữa, tái tạo cùi răng)	Vật liệu trám bít các lỗ hổng trên răng, dùng trong trám răng, trám phòng ngừa, điều trị tủy răng (trám xoang I, II, III, IV, V, răng sữa, tái tạo cùi răng) - Thành phần: Composite chứa nhựa bisGMA, TEGDMA và Procylat - Dạng: lỏng - Cấu tạo: tỷ lệ hạt độn Nano chiếm $\geq 65\%$ trọng lượng. - Tương thích với đèn quang trùng hợp, cây trám composite, keo dán composite, cây bôi keo... - Quy cách: 2 ống x (trọng lượng $\geq 2g$) - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Hộp	33
230	Vật liệu trám bít ống tủy (Côn chính)	Vật liệu trám bít ống tủy (Côn chính) được sử dụng sau khi tạo hình ống tủy với trạm tay - Thành phần: Gutta Percha hoặc tương đương - Kích thước, hình dáng và độ thuận 2% - Chỉ số đo lường ở mức 1/1000mm - Côn được kiểm soát bằng laser - Quy cách đóng gói: ≥ 120 cái/hộp - Tương đương với các loại trạm tay - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Hộp	17
231	Vật liệu trám bít ống tủy dạng bột và nước, tương đương Mineral trioxide aggregate (MTA)	Vật liệu trám bít ống tủy dạng bột và nước, dùng trong điều trị tủy răng giúp làm sạch và diệt khuẩn - Thành phần: Mineral trioxide aggregate (MTA), Hydroxyapatite - Dạng: bột và nước - Quy cách đóng gói: Hộp 4 gói bột (0.5g/1 gói) và 4 nhộng nước (0.5ml/nhộng) - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Hộp	16
232	Vật liệu trám bít ống tủy dạng bột	Vật liệu trám bít ống tủy dạng bột, dùng trong điều trị tủy răng giúp làm sạch và diệt khuẩn - Thành phần: Prednisolone acetate $\geq 1.1\%$, diodothymol, kẽm oxit, Bari Sunfat, tá dược... - Dạng: bột - Trọng lượng: $\geq 23g$ - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Hộp	450
233	Vật liệu trám hoàn tất, dạng bột và nước	Vật liệu trám hoàn tất, dạng bột và nước, có thể sử dụng cho các xoang trám loại 1-2-3 (xoang vỡ lớn) - Thành phần: ion florua, canxi và hydroxit - Không chứa nhựa (resin) và không co rút - Quy cách đóng gói: gồm 01 lọ bột 15g + 01 lọ nước 8g - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Hộp	16
234	Vật liệu trám tạm	Vật liệu trám tạm dùng trong các điều trị trám răng tạm thời, chữa răng, trám theo dõi xoang sâu răng và chữa tủy răng - Thành phần: Eugenate hoặc tương đương - Dạng hỗn hợp đặc sệt, không cần trộn, tự đông cứng trong môi trường miệng - Màu trắng hoặc hồng - Thời gian đông cứng: khoảng 30-32 phút (tối thiểu có loại 30 phút) - Trọng lượng: $\geq 30g$ - Bảo quản ở nhiệt độ khoảng 4 - 25 độ - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Lọ	31
235	Tay khoan phẫu thuật nha khoa, thẳng, mũi khoan 45mm	Tay khoan phẫu thuật thẳng dùng để cắt chóp, phẫu thuật mở xương, lấy xương mục, tạo hình xương, mài xương - Thành phần: Thép không gỉ - Cấu tạo: Sử dụng tương thích mũi khoan và cắt có đường kính $2.3 \pm 0.05mm$, chiều dài mũi khoan $\geq 45mm$ (có tối thiểu cỡ 45mm). - Có thể tháo rời từng bộ phận để làm vệ sinh, có vòi phun nước làm mát bên ngoài. - Bên ngoài tay khoan phủ lớp chống trầy xước - Tốc độ motor tối đa 50.000 vòng/phút - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cái	5
236	Tay khoan phẫu thuật nha khoa, thẳng có đèn, mũi khoan 45mm	Tay khoan phẫu thuật thẳng có đèn dùng để cắt chóp, phẫu thuật mở xương, lấy xương mục, tạo hình xương, mài xương. - Thành phần: Thép không gỉ - Cấu tạo: Sử dụng tương thích mũi khoan và cắt có đường kính $2.3mm \pm 0.1mm$, chiều dài mũi khoan $\geq 45mm$ (có tối thiểu cỡ 45mm). Có thể tháo rời từng bộ phận để làm vệ sinh. Có đèn gắn ở đầu tay khoan, vòi phun nước làm mát bên ngoài - Bên ngoài tay khoan phủ lớp chống trầy xước - Tốc độ motor tối đa 40.000 vòng/phút - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cái	2

STT	Tên vật tư	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng
237	Tay khoan phẫu thuật nha khoa thẳng, mũi khoan 70mm	Tay khoan phẫu thuật thẳng dùng để mài xương, mở xương, tạo lỗ trong xương. - Thành phần: thép không gỉ. - Cấu tạo: Sử dụng tương thích mũi khoan và cắt có đường kính $2.3 \pm 0.05\text{mm}$ chiều dài mũi khoan $\geq 70\text{mm}$ (có tối thiểu cỡ 70mm). Có thể tháo rời từng bộ phận để làm vệ sinh, có vòi phun nước làm mát bên ngoài - Bên ngoài tay khoan phủ lớp chống trầy xước - Tốc độ motor tối đa 50.000 vòng/phút. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cái	2
238	Răng sứ kim Loại trên Implant	Răng sứ kim loại trên Implant dùng để thay thế cho răng thật trên Implant và thực hiện chức năng ăn nhai như răng thật. - Cấu tạo: Gồm khung sườn và lớp sứ thẩm mỹ phủ bên ngoài, có đầu kết nối với chân răng nhân tạo bên dưới. - Chất liệu: * Khung sườn: Hợp kim Crome - Cobalt - Niken, thiết kế chuyên biệt tích hợp thân trụ răng cấy ghép (abutment) trên Implant. - Lớp sứ thẩm mỹ phủ bên ngoài: Bột sứ E-max, Noritake, Ceramco3 PFZ. - Kích thước: Theo yêu cầu của Bác sĩ phù hợp với kích thước và vị trí răng của người bệnh (tất cả các loại răng). - Bảo hành 03 năm. - Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: Máu răng phải đúng theo bảng so màu Bác sĩ đã lấy trên người bệnh, tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	75
239	Cùi giả Zirconia	Cùi giả Zirconia có chức năng như giả đỡ, giúp cho mao sứ cứng chắc và khớp gắn với răng gốc còn sót lại. Từ đó giúp phục hình sứ dễ dàng hơn, đồng thời hạn chế các trường hợp răng sứ bung, tuột và rơi khỏi chân răng. - Cấu tạo: Từ các thỏi Zirconia - Chất liệu: Zirconium nguyên khối. - Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của Bác sĩ. - Hỗ trợ kỹ thuật viên phối hợp với Bác sĩ của Bệnh viện để hoàn thiện sản phẩm. - Yêu cầu khi sử dụng: Không kích ứng niêm mạc miệng. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	cái	75
240	Răng sứ, chịu lực đạt tới 1.350 Mpa	Răng sứ dùng để thay thế cho răng thật hoặc phục hình răng hư tổn và thực hiện chức năng ăn nhai. - Cấu tạo: Gồm khung sườn và lớp sứ thẩm mỹ phủ bên ngoài. * Sự kết hợp tính thẩm mỹ của sứ thủy tinh và độ cứng cao của phục hình nguyên khối. Zirconia đầu tiên được tích hợp huỳnh quang giống như răng thật. - Chất liệu: * Khung sườn: Sứ đa tinh thể, thành phần chính là Zirconium dioxit (ZrO_2) và có khả năng chịu lực nén xoắn cực lớn, đạt tới 1.350 Mpa (gấp 5-7 lần răng thật). * Lớp sứ thẩm mỹ phủ bên ngoài: Bột sứ E-max - Kích thước: Theo yêu cầu của Bác sĩ phù hợp với kích thước mẫu hàm và vị trí răng của người bệnh (tất cả các loại răng) - Bảo hành 15 năm - Hỗ trợ đặt máy, kỹ thuật viên so màu, chụp hình răng trực tiếp trên miệng người bệnh. - Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: Máu răng phải đúng theo bảng so màu Bác sĩ đã lấy trên người bệnh, tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	45
241	Răng sứ trên implant, thời gian hành tối thiểu 15 năm	Răng sứ trên implant dùng để thay thế cho răng thật hoặc phục hình răng hư tổn và thực hiện chức năng ăn nhai. - Cấu tạo: Gồm khung sườn và lớp sứ thẩm mỹ phủ bên ngoài, có đầu kết nối với chân răng nhân tạo bên dưới. * Sự kết hợp tính thẩm mỹ của sứ thủy tinh và độ cứng cao của phục hình nguyên khối. Zirconia đầu tiên được tích hợp huỳnh quang giống như răng thật. - Chất liệu: * Khung sườn: Sứ đa tinh thể, thành phần chính là Zirconium dioxit (ZrO_2) và có khả năng chịu lực nén xoắn cực lớn, đạt tới 1.350 Mpa, thiết kế chuyên biệt tích hợp thân trụ răng cấy ghép (abutment) trên implant. * Lớp sứ thẩm mỹ phủ bên ngoài: Bột sứ E-max - Kích thước: Theo yêu cầu của Bác sĩ phù hợp với kích thước và vị trí răng của người bệnh (tất cả các loại răng) - Bảo hành 15 năm - Hỗ trợ đặt máy, kỹ thuật viên so màu, chụp hình răng trực tiếp trên miệng người bệnh. - Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: Máu răng phải đúng theo bảng so màu Bác sĩ đã lấy trên người bệnh, tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	45

Signature

STT	Tên vật tư	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng
242	Hàm lai khung sườn titanium nguyên khối có cùi răng trên 4 trụ implant (cắt bằng máy)	Hàm lai khung sườn Titanium nguyên khối (cắt bằng máy) có cùi răng trên 4 trụ implant có công dụng kết nối và chịu lực như một giá đỡ tiếp nối giữa vật liệu cấy ghép implant và phục hình răng (đúc rời) bên trên. - Cấu tạo: Khung sườn Titanium và răng sứ (đúc rời) bên trên. - Chất liệu: * Khung sườn: Titanium nguyên khối. * Răng trên khung sườn: Zirconia * Lốp sứ thẩm mỹ phủ ngoài: Bột sứ Emax - Kích thước: Chiều dài tùy theo mẫu lấy dấu từ miệng người bệnh, phù hợp với vị trí và kích thước răng của người bệnh. - Hỗ trợ kỹ thuật khi Bác Sĩ có yêu cầu - Yêu cầu khi sử dụng: Không gây kích ứng trong môi trường miệng; dễ dàng điều chỉnh theo nhu cầu điều trị. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	7
243	Răng sứ	Răng sứ dùng để thay thế cho răng thật hoặc phục hình răng hư tổn và thực hiện chức năng ăn nhai. - Cấu tạo: Gồm khung sườn và lốp sứ thẩm mỹ phủ bên ngoài - Chất liệu: * Khung sườn: Vật liệu tương đương Zirconia. Các thời sứ Zirconia được nung ở nhiệt độ cao có khả năng chịu lực nén, ép, xoắn cực lớn, * Lốp sứ thẩm mỹ phủ ngoài: Bột sứ E-max (thẩm mỹ tối đa), Noritake. - Kích thước: Theo yêu cầu của Bác sĩ phù hợp với kích thước và vị trí răng của người bệnh (tất cả các loại răng) - Bảo hành tối thiểu 5 năm - Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: Màu răng phải đúng theo bảng so màu Bác sĩ đã lấy trên người bệnh, tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Gói	30
244	Răng sứ trên implant	Răng sứ trên implant dùng để thay thế cho răng thật hoặc phục hình răng hư tổn và thực hiện chức năng ăn nhai. - Cấu tạo: Gồm khung sườn và lốp sứ thẩm mỹ phủ bên ngoài, thiết kế chuyên biệt tích hợp thân trụ răng cấy ghép (abutment) trên implant. - Chất liệu: * Khung sườn: Vật liệu tương đương Zirconia. Các thời sứ Zirconia được nung ở nhiệt độ cao có khả năng chịu lực nén, ép, xoắn cực lớn * Lốp sứ thẩm mỹ phủ ngoài: Bột sứ E-max (thẩm mỹ tối đa), Noritake. - Kích thước: Theo yêu cầu của Bác sĩ phù hợp với kích thước và vị trí răng của người bệnh (tất cả các loại răng) - Bảo hành 5 năm - Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: Màu răng phải đúng theo bảng so màu Bác sĩ đã lấy trên người bệnh, tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	30
245	Nẹp cố định giữ chỗ góc cong 8 lỗ, dùng vít 2.0mm	Nẹp cố định giữ chỗ góc cong 8 lỗ, dùng trong cố định xương gãy vùng hàm mặt - Chất liệu: Titanium - Kích thước: bề dày bản nẹp khoảng 0.6 - 1.0mm, đường kính lỗ bắt vít 2.0mm - Cấu tạo: Nẹp góc cong chữ V, 8 lỗ - Tương thích "Vít chống long đường kính 2.0mm" tại hồ sơ mời thầu - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	3
246	Nẹp cố định giữ chỗ loại cong 6 lỗ, dùng vít 2.0mm	Nẹp cố định giữ chỗ loại cong 6 lỗ, dùng trong cố định xương gãy vùng sán ổ mắt - Chất liệu: Titanium - Kích thước: bề dày bản nẹp khoảng 0.5 - 0.6mm, kích thước lỗ bắt vít tối thiểu 2.0mm - Cấu tạo: Nẹp có góc cong, 6 lỗ - Tương thích "Vít chống long đường kính 2.0mm" tại hồ sơ mời thầu - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	8
247	Nẹp cố định giữ chỗ loại thẳng 16 lỗ, dùng vít 2.0mm	Nẹp cố định giữ chỗ loại thẳng 16 lỗ, dùng trong cố định xương gãy vùng hàm mặt - Chất liệu: Titan - Kích thước: Bề dày bản nẹp khoảng 0.6 - 1.0mm, đường kính lỗ bắt vít tối thiểu 2.0mm - Cấu tạo: Nẹp thẳng, 16 lỗ - Tương thích "Vít chống long đường kính 2.0mm" tại hồ sơ mời thầu - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	15
248	Nẹp cố định giữ chỗ loại thẳng 25 lỗ, dùng vít 2.3mm	Nẹp cố định giữ chỗ loại thẳng 25 lỗ, dùng trong cố định xương gãy vùng hàm mặt - Chất liệu: Titanium - Kích cỡ: Bề dày bản nẹp 2.6mm ± 0.1mm, đường kính lỗ bắt vít tối thiểu 2.0mm - Cấu tạo: Nẹp góc 25 lỗ có các mắt xích lỗ vít đều nhau hoặc đối xứng, gồm 7 lỗ + 18 lỗ, đường kính lỗ bắt vít có ren khóa tối thiểu 2.3mm - Tương thích "Vít lớn 2.3mm dùng cho nẹp tái tạo" tại hồ sơ mời thầu - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	5

STT	Tên vật tư	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng
249	Nẹp tái tạo cố định giữ chỗ 27 lỗ, dùng vít 2.3mm	Nẹp tái tạo cố định giữ chỗ 27 lỗ, dùng trong cố định xương gãy vùng góc hàm - Chất liệu: Titanium - Kích cỡ: Bề dày bản nẹp 2.6mm ± 0.1mm - Cấu tạo: Nẹp góc có 27 lỗ, gồm 7 lỗ + 20 lỗ, đường kính lỗ bắt vít có ren khoá tối thiểu 2.3mm - Tương thích "Vít lớn 2.3mm dùng cho nẹp tái tạo" tại hồ sơ mời thầu - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	5
250	Nẹp tái tạo cố định giữ chỗ 35 hoặc 37 lỗ dày, dùng vít 2.3mm	Nẹp tái tạo cố định giữ chỗ 35 hoặc 37 lỗ, dùng trong cố định xương gãy vùng hàm mặt - Chất liệu: Titanium - Kích cỡ: bề dày bản nẹp 2.6mm ± 0.1mm - Cấu tạo: Nẹp có 2 góc cong 7x21x7 lỗ (35 lỗ) hoặc 7x23x7 lỗ (37 lỗ), đường kính lỗ bắt vít có ren khoá tối thiểu 2.3mm - Tương thích "Vít lớn 2.3mm dùng cho nẹp tái tạo" tại hồ sơ mời thầu - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	2
251	Vít chống long đường kính 2.0mm	Vít cố định kết hợp xương gãy vùng hàm mặt, loại chống long: - Chất liệu: Titanium - Kích cỡ: đường kính mũ vít tối thiểu có cỡ 2.0mm, dài khoảng 5 - 7mm (tối thiểu 2 cỡ) - Cấu tạo: Mũ vít chữ X, có độ xoắn vít cao hạn chế long vít - Tương thích "Nẹp cố định giữ chỗ" tại hồ sơ mời thầu - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	150
252	Vít lớn 2.3mm dùng cho nẹp tái tạo	Vít cố định kết hợp xương gãy vùng hàm mặt, loại lớn: - Chất liệu: Titanium - Kích cỡ: Đường kính mũ vít tối thiểu có cỡ 2.3mm, chiều dài khoảng 6 - 18mm (tối thiểu 7 cỡ) - Cấu tạo: Mũ vít chữ X, có ren khoá vít với nẹp để cố định chắc chắn vùng hàm - Tương thích "Nẹp tái tạo 25, 27, 35, 37 lỗ" tại hồ sơ mời thầu - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	90
253	Chèn gỗ	Chèn gỗ dùng chèn chặt các dụng cụ hỗ trợ trám, phục hình răng, chỉnh nha - Chất liệu: gỗ - Kích thước: Size XS (màu xanh dương), size S (màu xanh lá), size M (màu vàng), size L (màu tím). - Cấu tạo: hình tam giác, tròn, một đầu nhọn đẹp - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cái	254
254	Chổi đánh bóng nha chu	Chổi đánh bóng nha chu được sử dụng trong việc đánh bóng, làm sạch lại bề mặt răng sau thủ thuật điều trị nha chu - Đầu chổi bằng nylon, nhiều hình dạng. Cán chổi bằng thép không gỉ. - Chiều dài khoảng 2.5 - 3cm. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cái	1.805
255	Cung thép cố định hàm	Cung thép cố định hàm điều trị các chấn thương vùng hàm mặt - Thành phần: thép không gỉ - Gồm cung và dây kẽm để bẻ cong, theo hình dạng cung răng - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Bộ	8
256	Dây truyền dung dịch xịt rửa của máy nha khoa	Dây truyền dung dịch xịt rửa của máy nha khoa - Chất liệu: nhựa, silicon - Có bánh xe điều chỉnh lưu lượng nước - Tiệt khuẩn, dùng 1 lần - Tương thích máy cấy ghép implant - Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Cái	270
257	Gel tê bôi bề mặt niêm mạc miệng	Gel làm tê bề mặt niêm mạc miệng - Thành phần: ≥ 20% benzocaine, hương liệu. - Trọng lượng: ≥ 29.6g - Dùng cho cả trẻ em và người lớn - Nhiều mùi: Cherry, đào, bạc hà ... - Hương vị dễ chịu trong quá trình sử dụng và không để lại dư vị đắng.	Lọ	20
258	Keo dán hàm	Keo dán hàm giúp hỗ trợ cố định hàm giả tháo lắp không bị lỏng và rớt khỏi hàm, lưu giữ răng giả vững chắc tại chỗ, ngăn ngừa đau nhức nướu - Thành phần: Calcium/Zinc PVM/MA, dầu khoáng, cellulose gum, silica,... - Dạng gel - Trọng lượng: ≥ 68g - Bám dính tối thiểu 1 ngày - Sử dụng 1 lần	Hộp	3

Loanmed

STT	Tên vật tư	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng
259	Vật liệu chống ê buốt sau xạ trị	Vật liệu chống ê buốt sau xạ trị là phương pháp điều trị bổ sung Flour tại chỗ cho người bệnh sau xạ trị, chống lại mảng bám và kháng lại bệnh viêm nướu, phòng ngừa sâu răng và bảo vệ chân răng nhạy cảm - Thành phần: Hydroxyethyl Methacrylate (HEMA), Sodium Fluoride; Inactive: Benzalkonium Chloride (preservative), BHT, nước - Dạng nước - Thể tích: ≥ 5ml	Lọ	62
260	Bột xương cấy ghép nhân tạo, dạng hạt 0.6cc	Bột xương cấy ghép nhân tạo, dạng hạt 0.6cc ứng dụng ghép các vùng xương khuyết hổng, ổ răng, nâng xoang. - Chất liệu: xương heo - Kích thước hạt: khoảng 0.25 - 1.0mm - Độ xốp toàn thể 78.4 - 78.5% (tối thiểu phải có cỡ 78.4%) - Trọng lượng: ≥ 0.25g - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	10
261	Màng collagen tự tiêu 15x25mm	Màng bao phủ cấy ghép tái tạo xương hư tổn dùng trong kỹ thuật GBR và GTR - Chất liệu: Collagen liên kết chéo gốc đường. - Mạng tự tiêu, dai, chắc, dễ tạo hình - Kích thước: 15 x 25mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	5
262	Màng collagen tự tiêu 25x30mm	Màng bao phủ cấy ghép tái tạo xương hư tổn dùng trong kỹ thuật GBR và GTR - Chất liệu: Collagen liên kết chéo gốc đường. - Mạng tự tiêu, dai, chắc, dễ tạo hình - Kích thước: 25 x 30mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	5
263	Màng collagen tự tiêu 30x40mm	Màng bao phủ cấy ghép tái tạo xương hư tổn dùng trong kỹ thuật GBR và GTR - Chất liệu: Collagen liên kết chéo gốc đường. - Mạng tự tiêu, dai, chắc, dễ tạo hình - Kích thước: 30 x 40mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	5
264	Màng xương tự tiêu 10x12.5mm	Màng xương tự tiêu, sử dụng đường để liên kết chéo các phân tử collagen tạo ra khung Collagen, dùng trong kỹ thuật GBR và GTR. - Chiết xuất từ xương heo. - Dày lên và nở ra khi ướt. - Kích thước: 10 x 12.5mm - Tiệt khuẩn. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	10
265	Màng xương tự tiêu 15x25mm	Màng xương tự tiêu, sử dụng đường để liên kết chéo các phân tử collagen tạo ra khung Collagen, dùng trong kỹ thuật GBR và GTR. - Chiết xuất từ xương heo. - Dày lên và nở ra khi ướt. - Kích thước: 15 x 25mm - Tiệt khuẩn. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	10
266	Màng xương tự tiêu 25x30mm	Màng xương tự tiêu, sử dụng đường để liên kết chéo các phân tử collagen tạo ra khung Collagen, dùng trong kỹ thuật GBR và GTR. - Chiết xuất từ xương heo. - Dày lên và nở ra khi ướt. - Kích thước: 25 x 30mm - Tiệt khuẩn. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) hoặc tiêu chuẩn sản xuất ISO	Cái	10

STT	Tên vật tư	Mô tả và đặc tính kỹ thuật của sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng
267	Hàm lai khung sườn titanium nguyên khối, răng Titan có cùi răng trên 4 trụ implant (cắt bằng máy)	Hàm lai khung sườn Titanium nguyên khối (cắt bằng máy) có cùi răng trên 4 trụ implant có công dụng kết nối và chịu lực như một giá đỡ tiếp nối giữa vật liệu cấy ghép implant và phục hình răng (đúc rời) bên trên. - Cấu tạo: Khung sườn Titanium và răng sứ (đúc rời) bên trên. - Chất liệu: * Khung sườn: Titanium nguyên khối. * Răng trên khung sườn: Titan * Lớp sứ thẩm mỹ phủ ngoài: Bột sứ Emax - Kích thước: Chiều dài tùy theo mẫu lấy dấu từ miệng người bệnh, phù hợp với vị trí và kích thước răng của người bệnh. - Hỗ trợ kỹ thuật khi Bác Sĩ có yêu cầu - Yêu cầu khi sử dụng: Không gây kích ứng trong môi trường miệng; dễ dàng điều chỉnh theo nhu cầu điều trị. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	10
268	Đáp sứ trực tiếp trên Abutment/Sườn Titan nguyên chất trên Implant	Đáp sứ Titan trực tiếp trên thân trụ răng nguyên khối (Abutment) dùng thay thế cho răng thật bị mất thực hiện chức năng nhai. - Chất liệu: Titan nguyên chất * Lớp sứ thẩm mỹ phủ ngoài: Bột sứ Emax - Kích thước: Chiều dài tùy theo mẫu lấy dấu từ miệng người bệnh, phù hợp với vị trí và kích thước răng của người bệnh. - Hỗ trợ kỹ thuật khi Bác Sĩ có yêu cầu - Yêu cầu khi sử dụng: Không gây kích ứng trong môi trường miệng, dễ dàng điều chỉnh theo nhu cầu điều trị. - Quy cách đóng gói: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn sản xuất: ISO	Gói	10
269	Chuôi kết nối tay khoan nha khoa và dây dẫn hơi	Chuôi kết nối tay khoan công suất cao giúp sử dụng hiệu quả các tay khoan thẳng và tay khoan khuỷu. - Chất liệu: thép - Công suất: $\geq 20W$ (có tối thiểu cỡ 20W) - Chuôi kết nối cổ định 4 lỗ - Đường kính vỏ ngoài: $\geq 18mm$ (có tối thiểu cỡ 18mm) - Điều chỉnh tốc độ khoảng 5.000 - 20.000 vòng/phút ở áp suất hơi 2.5 bar, tốc độ khoảng 5.000 - 25.000 vòng/phút ở áp suất hơi 3.0 bar - Có thể điều chỉnh tốc độ và đảo chiều quay bằng vòng xoay trên air motor - Có thể quay cùng chiều hoặc ngược chiều kim đồng hồ - Phun nước: Không có đường nước	Gói	10

banquet

CÔNG TY:

ĐỊA CHỈ:

SỐ ĐIỆN THOẠI NHÂN SỰ PHỤ TRÁCH:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM

Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TPHCM

Theo công văn mời chào giá số/BVĐHYD-.... của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ			HÀNG HÓA CHÀO GIÁ											
TT	TT trong danh mục mời chào giá	Tên hàng hóa	Tên thương mại/ Tên vật tư theo Quyết định 5086/QĐ-BYT	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng (có khả năng cung ứng)	Đơn giá có VAT (VNĐ)	Thành tiền có VAT (VNĐ)	Ghi chú
														QĐ trúng thầu hoặc HĐ trúng thầu số ngày..., tại Bệnh viện..., giá trúng thầu: ... VNĐ

❖ Yêu cầu báo giá:

- Báo giá này có hiệu lực ngày kể từ ngày báo giá.
- Chúng tôi cam kết về đơn giá chào hàng bằng hoặc thấp hơn giá trên thị trường của cùng nhà cung ứng hoặc cùng chủng loại.

Ngày ... tháng năm

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên và đóng dấu)



BM: CVĐT.03(1)



[Handwritten signature]